BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

LỊCH SỬ 11







NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

VŨ MINH GIANG (Tổng Chủ biên xuyên suốt)
PHẠM HỒNG TUNG (Tổng Chủ biên cấp THPT)
TRẦN THỊ VINH (Chủ biên)
HOÀNG HẢI HÀ – PHAN NGỌC HUYỀN

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
LỊCH SỬ

(Tái bản lần thứ ba)

11

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Lịch sử là môn học thuộc nhóm Khoa học xã hội, gồm hai phần: phần bắt buộc đối với tất cả học sinh và phần lựa chọn cho học sinh chọn môn Lịch sử theo định hướng nghề nghiệp. Môn Lịch sử giúp các em hình thành, phát triển năng lực lịch sử cũng như những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Môn Lịch sử giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục lòng yêu nước, truyền thống dân tộc, đồng thời góp phần giúp các em rèn luyện tư duy hệ thống và phản biện, kết nối quá khứ với hiện tại.

Các em đang có trong tay cuốn *Chuyên đề học tập Lịch sử 11*. Cuốn sách này được biên soạn dành cho các em có thiên hướng lựa chọn môn Lịch sử theo định hướng nghề nghiệp, giúp các em khám phá, tìm hiểu sâu hơn những vấn đề thú vị, hấp dẫn của lịch sử thông qua những chuyên đề hoạt động trải nghiệm thực tế và chuyên đề nâng cao kiến thức về lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới.

Về lịch sử dân tộc, các em sẽ được khám phá những nét đặc sắc về lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam từ thời Lý – Trần đến thời Nguyễn thông qua chuyên đề trải nghiệm thực tế "Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam". Đặc biệt, chuyên đề "Danh nhân trong lịch sử Việt Nam" sẽ giúp các em nâng cao kiến thức lịch sử, khám phá sự nghiệp và những đóng góp của các danh nhân đối với lịch sử dân tộc.

Về lịch sử thế giới, chuyên đề "Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX" sẽ giúp các em tìm hiểu sâu hơn về nguyên nhân, hậu quả của các cuộc chiến tranh thế giới, về khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới.

Chuyên đề học tập Lịch sử 11 được biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực, từ cách gắn kết kiến thức lịch sử với thực tiễn đến cách thức tổ chức hoạt động học tập cho học sinh. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục chú trọng đến khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức lịch sử của các em vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn.

Cấu trúc cuốn sách bao gồm: Lời nói đầu, Hướng dẫn sử dụng sách, các chuyên đề, Bảng tra cứu khái niệm, thuật ngữ và Bảng phiên âm. Nội dung sách có nhiều thông tin tạo điều kiện cho các em kết nối với kiến thức, kĩ năng của các môn học khác như: Địa lí, Ngữ văn, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Mĩ thuật,…

Để học tập tốt các chuyên đề trong cuốn sách này, các em hãy cùng hoạt động, tương tác tích cực với thầy cô và các bạn; chủ động tìm kiếm thông tin qua sách, báo, internet để có thể tái hiện và nhận thức lịch sử một cách sinh động, khách quan.

Chúc các em học tập tốt và có những trải nghiệm thật bổ ích!

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU **2**

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH **4**

CHUYÊN ĐỀ 1. LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM **6**

I. NGHỆ THUẬT THỜI LÝ, THỜI TRẦN 7

II. NGHỆ THUẬT THỜI LÊ SƠ, THỜI MẠC 10

III. NGHỆ THUẬT THỜI LÊ TRUNG HƯNG 13

IV. NGHỆ THUẬT THỜI NGUYỄN 15

CHUYÊN ĐỀ 2. CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TRONG THẾ KỈ XX **20**

I. CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TRONG NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX 21

II. CHIẾN TRANH LẠNH (1947 – 1989) 29

III. CHIẾN TRANH, XUNG ĐỘT QUÂN SỰ SAU CHIẾN TRANH LẠNH 34

IV. CUỘC ĐẤU TRANH VÌ HOÀ BÌNH CỦA NHÂN DÂN THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH 35

CHUYÊN ĐỀ 3. DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM **40**

I. KHÁI QUÁT VỀ DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC 41

II. MỘT SỐ NHÀ CHÍNH TRỊ NỔI TIẾNG CỦA VIỆT NAM THỜI CỔ – TRUNG ĐẠI 42

III. MỘT SỐ DANH NHÂN QUÂN SỰ VIỆT NAM 44

IV. MỘT SỐ DANH NHÂN VĂN HOÁ VIỆT NAM 48

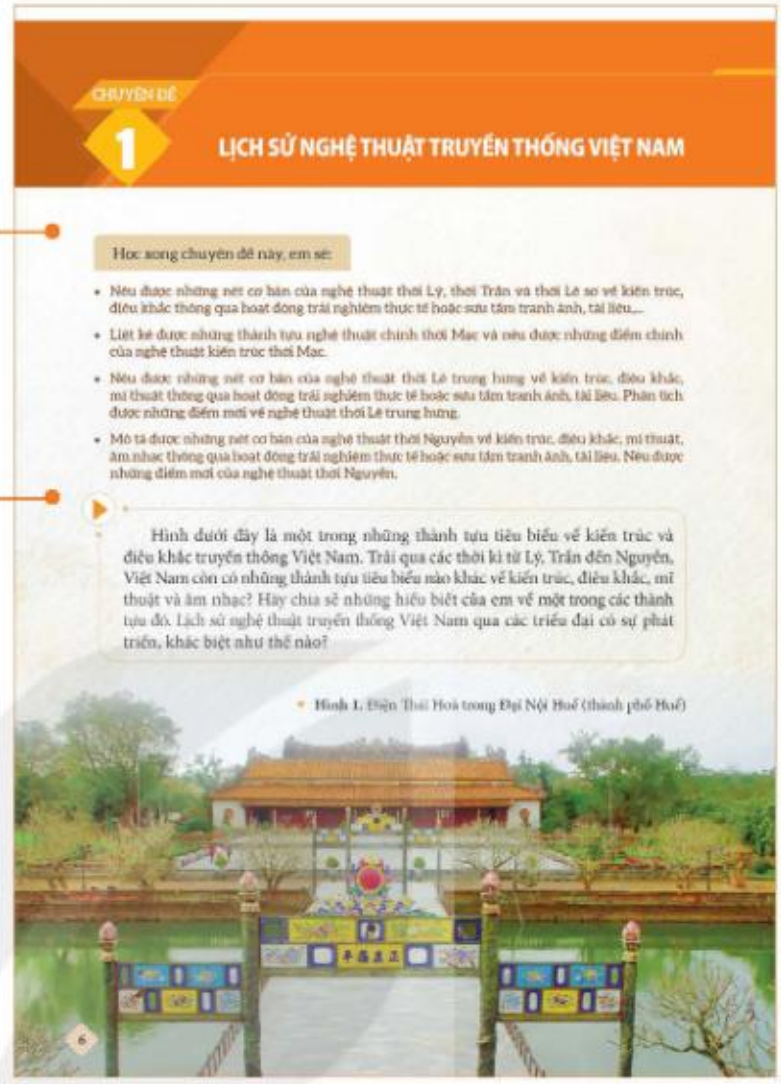
V. MỘT SỐ DANH NHÂN TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO 50

BẢNG TRA CỨU KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ **53**

BẢNG PHIÊN ÂM **54**

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH



CHUYÊN ĐỀ 1

LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Học xong chuyên đề này, em sẽ:

- Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lý, thời Trần và thời Lê sơ về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...
- Liệt kê được những thành tựu nghệ thuật chính thời Mạc và nêu được những điểm chính của nghệ thuật kiến trúc thời Mạc.
- Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lê trung hưng về kiến trúc, điêu khắc, mĩ thuật thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu. Phân tích được những điểm mới về nghệ thuật thời Lê trung hưng.
- Mô tả được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Nguyễn về kiến trúc, điêu khắc, mĩ thuật, âm nhạc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu. Nêu được những điểm mới của nghệ thuật thời Nguyễn.

Hình dưới đây là một trong những thành tựu tiêu biểu về kiến trúc và điêu khắc truyền thống Việt Nam. Trải qua các thời kì từ Lý, Trần đến Nguyễn, Việt Nam còn có những thành tựu tiêu biểu nào khác về kiến trúc, điêu khắc, mĩ thuật và âm nhạc? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về một trong các thành tựu đó. Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam qua các triều đại có sự phát triển, khác biệt như thế nào?

Hình 1. Điện Thái Hoà trong Đại Nội Huế (thành phố Huế)

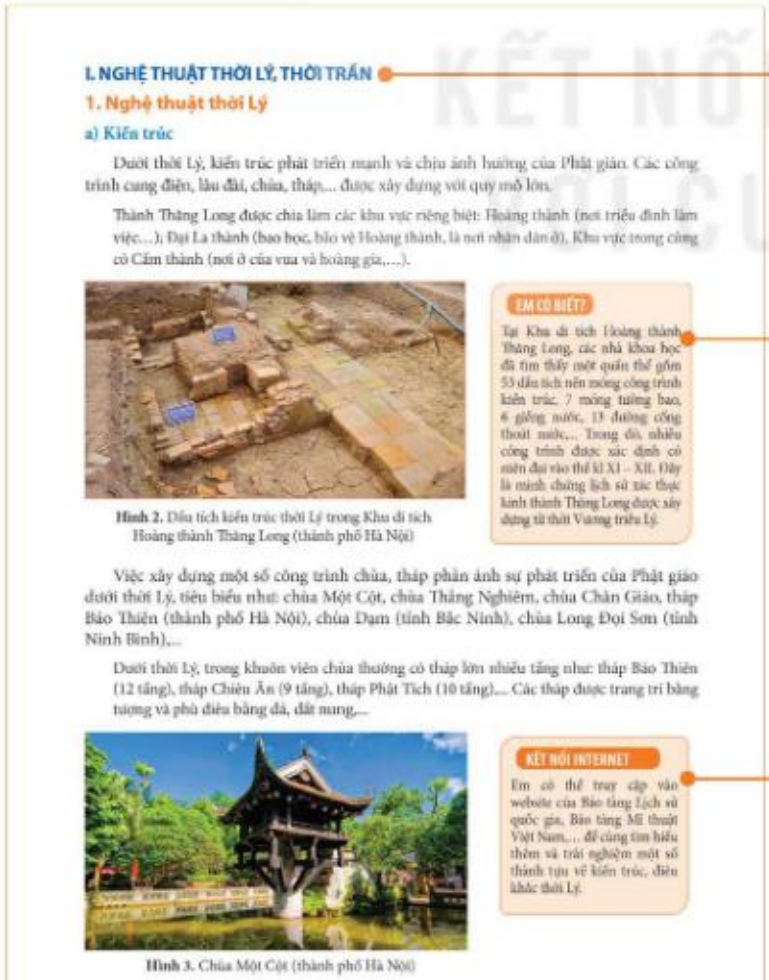
6

Mục tiêu bài học:

Xác định kiến thức, năng lực và phẩm chất học sinh cần đạt được sau khi học.

Mở đầu bài học:

Xác định nhiệm vụ, vấn đề học tập học sinh cần giải quyết; kết nối với những điều học sinh đã biết, nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy, tạo hứng thú với bài học mới.



I. NGHỆ THUẬT THỜI LÝ, THỜI TRẦN

1. Nghệ thuật thời Lý

a) Kiến trúc

Dưới thời Lý, kiến trúc phát triển mạnh và chịu ảnh hưởng của Phật giáo. Các công trình cung điện, lâu đài, chùa, tháp,... được xây dựng với quy mô lớn.

Thành Thăng Long được chia làm các khu vực riêng biệt: Hoàng thành (nơi triều đình làm việc,...), Đại La thành (bao bọc, bảo vệ Hoàng thành, là nơi nhân dân ở). Khu vực trong cùng có Cấm thành (nơi ở của vua và hoàng gia,...).

Hình 2. Dấu tích kiến trúc thời Lý trong Khu di tích Hoàng thành Thăng Long (thành phố Hà Nội)

EM CÓ BIẾT?

Tại Khu di tích Hoàng thành Thăng Long, các nhà khoa học đã tìm thấy một quần thể gồm 53 dấu tích nền móng công trình kiến trúc, 7 mống tường bao, 6 giếng nước, 13 đường cống thoát nước,... Trong đó, nhiều công trình được xác định có niên đại vào thế kỉ XI – XII. Đây là minh chứng lịch sử xác thực kinh thành Thăng Long được xây dựng từ thời Vương triều Lý.

Việc xây dựng một số công trình chùa, tháp phản ánh sự phát triển của Phật giáo dưới thời Lý, tiêu biểu như: chùa Một Cột, chùa Thắng Nghiêm, chùa Chân Giáo, tháp Báo Thiên (thành phố Hà Nội), chùa Dạm (tỉnh Bắc Ninh), chùa Long Đọi Sơn (tỉnh Ninh Bình),...

Dưới thời Lý, trong khuôn viên chùa thường có tháp lớn nhiều tầng như: tháp Báo Thiên (12 tầng), tháp Chiêu Ân (9 tầng), tháp Phật Tích (10 tầng),... Các tháp được trang trí bằng tượng và phù điêu bằng đá, đất nung,...

Hình 3. Chùa Một Cột (thành phố Hà Nội)

KẾT NỐI INTERNET

Em có thể truy cập vào website của Bảo tàng Lịch sử quốc gia, Bảo tàng Mĩ thuật Việt Nam,... để cùng tìm hiểu thêm và trải nghiệm một số thành tựu về kiến trúc, điêu khắc thời Lý.

7

Hình thành kiến thức mới:

Nội dung của bài học (bao gồm kênh hình và kênh chữ) là các mục nội dung đi kèm các hoạt động học để học sinh tiếp nhận kiến thức mới; được thiết kế theo hai tuyến: chính và phụ.

Tuyến phụ:

Thông tin bổ trợ hoặc có tính liên môn để giải thích, mở rộng, làm rõ nội dung tuyến chính.



IV. MỘT SỐ DANH NHÂN VĂN HOÁ VIỆT NAM

1. Nguyễn Trãi

Hình 12. Chân dung Nguyễn Trãi (tranh vẽ)

Nguyễn Trãi (1380 – 1442) là một nhà chính trị, quân sự, văn hoá lỗi lạc của dân tộc.

Nguyễn Trãi hiệu là Ức Trai, quê ở xã Thường Tín (thành phố Hà Nội). Ông là con của Nguyễn Phi Khanh, cháu của quan Tư đồ Trần Nguyên Đán. Năm 1400, Nguyễn Trãi thi đỗ Thái học sinh và ra làm quan dưới Triều Hồ.

Nguyễn Trãi có nhiều đóng góp lớn trong thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn, xây dựng Vương triều Lê sơ, khôi phục đất nước và nền văn hoá của dân tộc.

Trong khởi nghĩa Lam Sơn, Nguyễn Trãi trực tiếp tham mưu cho Lê Lợi nhiều kế sách đánh giặc, đặc biệt là kế "tâm công" (đánh vào lòng người) để tập hợp lực lượng và phân hoá kẻ thù. Lê Lợi cũng giao cho ông soạn thảo thư từ giao thiệp với quân Minh.

Những bức thư của Nguyễn Trãi "có sức mạnh như mười vạn quân" đã giúp nghĩa quân Lam Sơn hạ được nhiều thành như Đông Quan, Nghệ An,... mà không gây tổn thất lớn cho nghĩa quân. Trong giai đoạn cuối của cuộc khởi nghĩa, mặc dù nghĩa quân đang ở thế thắng nhưng ông vẫn khuyên Lê Lợi chủ động nghị hoà để bảo toàn lực lượng và giữ gìn mối quan hệ bang giao với nhà Minh về sau.

Sau khi Vương triều Lê sơ được thành lập, Nguyễn Trãi được cử giữ nhiều chức vụ quan trọng trong Triều đình.

2. Võ Nguyên Giáp



Võ Nguyên Giáp (1911 – 2013) là vị Đại tướng đầu tiên và là Tổng Tư lệnh của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Võ Nguyên Giáp sinh ra trong một gia đình nhà nho có truyền thống yêu nước, ở làng An Xá (nay thuộc xã Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Trị). Ông tích cực tham gia phong trào yêu nước chống Pháp từ khi còn là học sinh.

Hình 10. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (ảnh chụp năm 1954)

TƯ LIỆU 5. "Ông Giáp đã tỏ rõ những đức tính xuất chúng trong tất cả mọi lĩnh vực lớn nhất của chiến tranh. Về chiến lược, ông đã có một tầm quan sát sâu sắc các sự kiện và đã khoanh vùng những vấn đề chủ yếu; ông đã làm lung lay đối phương bằng việc sử dụng sáng suốt những lực lượng từ nhiều điểm... Về chiến thuật, ông Giáp là bậc thầy trong nghệ thuật chiến tranh du kích; về mặt này, ông là người chỉ huy vĩ đại nhất của mọi thời đại."

(P. Mác-đô-nan, *Tướng Giáp qua hai cuộc chiến tranh Đông Dương*, Nguyễn Việt Quyến, Nguyễn Đình Cao dịch, NXB Quân đội Nhân dân, 2004, tr. 380)



Hình 13. Đoàn bác sĩ Việt Nam thực hiện nhiệm vụ tại Phái bộ Gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc ở Nam Xu-đăng (2018)

EM CÓ BIẾT?

Việt Nam có đóng góp quan trọng vào lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc. Ngày 2 – 10 – 2018, 32 bác sĩ đầu tiên trong tổng số 63 cán bộ, bác sĩ Bệnh viện Dã chiến cấp 2 số 1 của Việt Nam đã bắt đầu thực hiện nhiệm vụ tại Phái bộ Gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc ở Nam Xu-đăng.

Vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc?

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Lập bảng so sánh nguyên nhân, hậu quả, tác động của Chiến tranh thế giới thứ nhất và Chiến tranh thế giới thứ hai.

2. Lựa chọn những sự kiện tiêu biểu để giải thích vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn.

3. Phong trào đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới sau Chiến tranh lạnh có điểm gì mới so với trước Chiến tranh lạnh?

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Nhân dân nước nào cũng yêu chuộng hoà bình, cũng chán ghét chiến tranh, cũng muốn sống tự do độc lập".

Em hãy lựa chọn một số sự kiện tiêu biểu trong cuộc đấu tranh vì hoà bình giữa hai cuộc chiến tranh thế giới để chứng minh nhận định trên.

2. Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, viết một bài (khoảng 300 chữ) về phong trào nhân dân thế giới ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam.

39

Tuyến chính:

Nội dung chính của bài học, gồm kênh chữ, kênh hình, tư liệu và các câu hỏi, yêu cầu để định hướng hoạt động học của học sinh.

Tư liệu:

Được trích dẫn từ các nguồn tư liệu khác nhau. Đây cũng là tuyến chính, là ngữ liệu để giáo viên tổ chức các hoạt động dạy học, giúp học sinh tự nhận thức bài học.

Luyện tập:

Các câu hỏi, bài tập để củng cố kiến thức, rèn luyện các kĩ năng gắn với kiến thức vừa học.

Vận dụng:

Các bài tập giúp học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CHUYÊN ĐỀ

1 LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Học xong chuyên đề này, em sẽ:

- Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lý, thời Trần và thời Lê sơ về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...
- Liệt kê được những thành tựu nghệ thuật chính thời Mạc và nêu được những điểm chính của nghệ thuật kiến trúc thời Mạc.
- Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lê trung hưng về kiến trúc, điêu khắc, mĩ thuật thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu. Phân tích được những điểm mới về nghệ thuật thời Lê trung hưng.
- Mô tả được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Nguyễn về kiến trúc, điêu khắc, mĩ thuật, âm nhạc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu. Nêu được những điểm mới của nghệ thuật thời Nguyễn.

Hình dưới đây là một trong những thành tựu tiêu biểu về kiến trúc và điêu khắc truyền thống Việt Nam. Trải qua các thời kì từ Lý, Trần đến Nguyễn, Việt Nam còn có những thành tựu tiêu biểu nào khác về kiến trúc, điêu khắc, mĩ thuật và âm nhạc? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về một trong các thành tựu đó. Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam qua các triều đại có sự phát triển, khác biệt như thế nào?

TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Hình 1. Điện Thái Hoà trong Đại Nội Huế (thành phố Huế)



I. NGHỆ THUẬT THỜI LÝ, THỜI TRẦN

1. Nghệ thuật thời Lý

a) Kiến trúc

Dưới thời Lý, kiến trúc phát triển mạnh và chịu ảnh hưởng của Phật giáo. Các công trình cung điện, lâu đài, chùa, tháp,... được xây dựng với quy mô lớn.

Thành Thăng Long được chia làm các khu vực riêng biệt: Hoàng thành (nơi triều đình làm việc…); Đại La thành (bao bọc, bảo vệ Hoàng thành, là nơi nhân dân ở). Khu vực trong cùng có Cấm thành (nơi ở của vua và hoàng gia,…).



Hình 2. Dấu tích kiến trúc thời Lý trong Khu di tích Hoàng thành Thăng Long (thành phố Hà Nội)

EM CÓ BIẾT?

Tại Khu di tích Hoàng thành Thăng Long, các nhà khoa học đã tìm thấy một quần thể gồm 53 dấu tích nền móng công trình kiến trúc, 7 móng tường bao, 6 giếng nước, 13 đường cống thoát nước,... Trong đó, nhiều công trình được xác định có niên đại vào thế kỉ XI – XII. Đây là minh chứng lịch sử xác thực kinh thành Thăng Long được xây dựng từ thời Vương triều Lý.

Việc xây dựng một số công trình chùa, tháp phản ánh sự phát triển của Phật giáo dưới thời Lý, tiêu biểu như: chùa Một Cột, chùa Thắng Nghiêm, chùa Chân Giáo, tháp Báo Thiên (thành phố Hà Nội), chùa Dạm (tỉnh Bắc Ninh), chùa Long Đọi Sơn (tỉnh Ninh Bình),...

Dưới thời Lý, trong khuôn viên chùa thường có tháp lớn nhiều tầng như: tháp Báo Thiên (12 tầng), tháp Chiêu Ân (9 tầng), tháp Phật Tích (10 tầng),... Các tháp được trang trí bằng tượng và phù điêu bằng đá, đất nung,...



Hình 3. Chùa Một Cột (thành phố Hà Nội)

KẾT NỐI INTERNET

Em có thể truy cập vào website của Bảo tàng Lịch sử quốc gia, Bảo tàng Mĩ thuật Việt Nam,… để cùng tìm hiểu thêm và trải nghiệm một số thành tựu về kiến trúc, điêu khắc thời Lý.

b) Điêu khắc

Điêu khắc thời Lý chủ yếu được thể hiện trên gỗ, gốm, đá với các đề tài về mây, sóng nước, hoa sen, lá đề,... đặc biệt là hình tượng rồng thể hiện trình độ thẩm mĩ và ước mơ về cuộc sống thịnh vượng của cư dân.

EM CÓ BIẾT?

Hình tượng rồng trong nghệ thuật điêu khắc thời Lý uốn khúc mềm mại, uyển chuyển, chân chỉ có 3 móng, vảy mờ, không có sừng. Đây là phong cách rất khác biệt của hình tượng rồng thời Lý.



Hình 4. Gạch trang trí hình rồng thời Lý được tìm thấy tại Khu di tích Hoàng thành Thăng Long (thành phố Hà Nội)

Đặc điểm chung của điêu khắc thời Lý là sự khắc hoạ chân thực, đơn giản, uyển chuyển với tượng tròn, phù điêu sống động, mềm mại.

Nhiều linh vật được tạc thành tượng, khắc hoạ rõ nét văn hoá bản địa dù có sự ảnh hưởng của nghệ thuật điêu khắc Trung Hoa, Ấn Độ. Một số tác phẩm, hiện vật tiêu biểu như tượng chim uyên ương, sư tử, tiên nữ Áp-sa-ra,...

1. Nêu những nét chính về kiến trúc và điêu khắc thời Lý.

2. Kể tên một số công trình kiến trúc, điêu khắc tiêu biểu thời Lý mà em biết.

2. Nghệ thuật thời Trần

a) Kiến trúc

Kiến trúc thời Trần kế thừa, phát triển phong cách kiến trúc thời Lý và đạt nhiều thành tựu. Bên cạnh việc tu sửa các công trình kiến trúc có từ thời Lý, Vương triều Trần cho xây dựng mới một số công trình tại Hoàng cung Thăng Long và ở một số nơi khác.

Ngoài cung điện ở Thăng Long, Vương triều Trần còn xây dựng cung điện của Thái Thượng hoàng (cung Tức Mặc – Thiên Trường) và một số hành cung như hành cung Lỗ Giang (xã Hồng Minh, tỉnh Hưng Yên), hành cung Vũ Lâm (phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình),... Đây là nơi làm việc, nghỉ ngơi hay tu thiền của vua mỗi khi ra khỏi kinh thành.



Hình 5. Đền Thiên Trường trong di tích Đền Trần (tỉnh Ninh Bình)

EM CÓ BIẾT?

Kiến trúc cung điện thời Trần có nét độc đáo: Công trình được xây trên các bệ cao, đa số là 2 tầng có gác, thậm chí có công trình cao tới 4 tầng. Tầng dưới được gọi là "điện", tầng trên gọi là "các" và thường có hành lang bao quanh.

Chùa, tháp thời Trần được xây dựng rải rác ở vùng Đông Bắc và Tây Bắc, nhưng tập trung nhất vẫn ở ven các triền sông thuộc khu vực Bắc Bộ ngày nay. So với thời Lý, phạm vi xây dựng chùa, tháp thời Trần đã được mở rộng về phía nam, đến Thanh Hoá, Nghệ An.

Đa số các chùa, tháp thời kì này được trùng tu hoặc xây dựng lại từ các công trình đã có từ thời Lý với quy mô nhỏ hơn như: chùa, tháp Phổ Minh (tỉnh Ninh Bình), tháp Bình Sơn (tỉnh Phú Thọ), chùa Thái Lạc (tỉnh Hưng Yên),... Riêng khu chùa, tháp Yên Tử (tỉnh Quảng Ninh) được xây dựng mở rộng để trở thành trung tâm Phật giáo.



Hình 6. Tháp Phổ Minh (tỉnh Ninh Bình)



Hình 7. Tháp Bình Sơn (tỉnh Phú Thọ)

b) Điêu khắc

Nghệ thuật điêu khắc thời Trần là sự nối tiếp thời Lý, nhưng phong cách tạo hình thể hiện sự khoáng đạt, khoẻ khoắn hơn.

Một số tác phẩm điêu khắc tiêu biểu của thời kì này như: Tiên nữ dâng hoa – tấu nhạc (chùa Thái Lạc, tỉnh Hưng Yên), vũ nữ múa trên bệ đá (chùa Hoa Long, tỉnh Thanh Hoá), bộ cửa điêu khắc hình rồng (chùa Phổ Minh, tỉnh Ninh Bình),...

Thời Trần, hoa văn trang trí chủ yếu trên đồ gốm, đình, chùa là hoa sen, hoa cúc, hình rồng, chim phượng, hổ, hình người,...

KẾT NỐI INTERNET

Từ năm 2020, Bảo tàng Lịch sử quốc gia đã giới thiệu bảo tàng ảo 3D chuyên đề "Bảo vật quốc gia". Em hãy truy cập vào đường link được giới thiệu trên website của Bảo tàng để trải nghiệm, khám phá một số thành tựu tiêu biểu về điêu khắc qua các thời kì nói chung và thời Lý, thời Trần nói riêng.



Hình 8. Bức điêu khắc Tiên nữ dâng hoa – tấu nhạc bằng gỗ ở chùa Thái Lạc (Hưng Yên) ▸

1. Nêu những nét cơ bản về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Trần.
2. So sánh về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc giữa thời Trần và thời Lý.

II. NGHỆ THUẬT THỜI LÊ SƠ, THỜI MẠC

1. Nghệ thuật thời Lê sơ

a) Kiến trúc

Thời Lê sơ, các công trình kiến trúc tập trung chủ yếu ở Đông Đô (Thăng Long) và Tây Đô (Thanh Hoá) với những công trình tiêu biểu như: điện Kính Thiên, điện Cần Chánh, cung Vạn Thọ tại Đông Đô và điện Lam Kinh tại Tây Đô.

Điện Kính Thiên là nơi thiết triều, được xây dựng từ thời Lê Thái Tổ, đến thời Lê Thánh Tông được sửa sang thêm. Theo thời gian, phần lớn công trình này bị huỷ hoại, chỉ còn lại các bậc thềm bằng đá với dấu tích điêu khắc đương thời.



Hình 9. Cổng Đoan Môn trong Khu di tích Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội)

Lam Kinh là quần thể kiến trúc gồm các cung điện (Quang Đức, Sùng Hiếu, Diễn Khánh,...) và miếu, lăng mộ các vua Lê. Các kiến trúc này hiện nay cũng chỉ còn lại dấu tích nền nhà với những tảng đá kê chân cột và bậc thềm giống như bậc thềm điện Kính Thiên ở Đông Đô.

Thời Lê sơ, việc xây dựng mới các chùa, tháp bị hạn chế nhưng hoạt động tu bổ vẫn được coi trọng.

EM CÓ BIẾT?

Các công trình kiến trúc ở trung tâm Lam Kinh được bao bọc bởi hệ thống tường thành, quy mô to lớn, thể hiện trình độ kĩ thuật, mĩ thuật cao.

Nhà nước đã cho trùng tu nhiều chùa như: chùa Minh Khánh (thành phố Hải Phòng); chùa Thầy, chùa Kim Liên (thành phố Hà Nội);... Tháp chùa Hoa Yên (tỉnh Quảng Ninh) xây dựng từ thời Trần cũng được sửa chữa,...

b) Điêu khắc

Điêu khắc thời Lê sơ bao gồm điêu khắc lăng mộ, văn bia, thành bậc bằng đá,...

Đầu thời Lê sơ, các pho tượng ở lăng mộ được sắp xếp với bố cục và kích thước đều nhau phỏng theo hình mẫu của bia Vĩnh Lăng ở Lam Kinh.

Điêu khắc lăng mộ thường được trang trí bằng 10 pho tượng chia làm 5 cặp gồm: người, lân, tê giác, ngựa, hổ. Ở một số lăng xây dựng muộn hơn, tượng hổ được thay bằng tượng voi, còn các tượng khác vẫn được giữ nguyên.

Từ thời vua Lê Thánh Tông, phong cách điêu khắc có sự thay đổi theo chiều hướng hoa mĩ, cầu kì hơn so với trước đó.

Văn bia trong lăng mộ phản ánh rõ phong cách điêu khắc thời kì này. Trong đó, bia Vĩnh Lăng là một trong những tấm bia mộ hoàng đế tiêu biểu còn nguyên vẹn đến ngày nay.

Nghệ thuật chạm khắc, trang trí thời Lê sơ rất tinh xảo. Các thành bậc bằng đá, bia đá đều được chạm khắc các cảnh sinh hoạt như: đấu vật, đánh cờ, chèo thuyền,... Trong đó, hình rồng trên bia đá có vẻ đẹp sống động, tự nhiên, khoẻ mạnh và dữ tợn hơn so với rồng thời Lý, thời Trần; tượng trưng cho quyền lực chuyên chế của vua.



Hình 10. Bia Vĩnh Lăng tại Khu di tích Lam Kinh (tỉnh Thanh Hoá)

EM CÓ BIẾT?

Rồng đá ở thềm trước điện Kính Thiên uốn bảy khúc. Đầu rồng nổi bật, dáng vẻ uy nghiêm, oai hùng, mạnh mẽ, đôi mắt rồng lồi, chiếc mũi gồ cao, đôi sừng nhọn khép lại đằng sau theo tư thế đầu rồng ngẩng lên chầu vua. Đôi bờm dài và 5 móng rồng được coi là biểu tượng của rồng đế vương.



Hình 11. Bậc thềm chạm rồng ở điện Kính Thiên trong Khu di tích Hoàng thành Thăng Long (thành phố Hà Nội)

Nêu những nét chính về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Lê sơ và nêu nhận xét.

2. Nghệ thuật thời Mạc

a) Kiến trúc

Các công trình kiến trúc thời Mạc bao gồm cung điện và thành quách, chùa, tháp, đình, quán, đền, miếu,...

Ở Thăng Long, nhà Mạc kế thừa các cung điện thời Lê sơ để lại, không xây thêm nhiều và cũng ít tu bổ. Các công trình tiêu biểu thời kì này là Dương Kinh ở Cổ Trai (thành phố Hải Phòng) và thành nhà Mạc (được xây dựng ở Cao Bằng, Tuyên Quang, Lạng Sơn).

Các tài liệu ghi chép việc xây dựng chùa, tháp dưới thời Mạc còn lại hiện nay rất hiếm. Dấu tích kiến trúc chùa thời Mạc còn lưu lại ở một số nơi như: hoa văn ở chùa Bối Khê (thành phố Hà Nội), mộ bà chúa Mạc ở chùa Phổ Minh (tỉnh Ninh Bình),...



Hình 12. Đình Tây Đằng (thành phố Hà Nội)

Kiến trúc thời Mạc chịu ảnh hưởng rõ rệt của Đạo giáo. Một số đạo quán được trùng tu và xây dựng như: Thuỵ Ứng (tỉnh Hưng Yên), Tiên Phúc (thành phố Hải Phòng),...

Hai ngôi đình tiêu biểu có phong cách nghệ thuật thời Mạc là đình Tây Đằng (thành phố Hà Nội) và đình Lỗ Hạnh (tỉnh Bắc Ninh).

b) Điêu khắc

Điêu khắc thời Mạc rất phát triển với chất liệu gỗ, đá. Các loại hình tượng thường có tượng Phật, Thánh được tiện bằng gỗ như: tượng Quan Âm, Ngọc Hoàng, Kim Đồng, Ngọc Nữ; tượng nhân vật được tạc bằng đá như tượng Đức Vua ở chùa Đại Linh (thành phố Hải Phòng) và tượng Công chúa Mạc Ngọc Lâm ở chùa Phổ Minh (tỉnh Ninh Bình),...

Loại hình hoa văn trong điêu khắc thời Mạc còn phản ánh sinh động trí tưởng tượng của dân gian với hình tiên nữ, hình các loài vật (rồng, phượng, hươu, lân, hổ, voi) và hình ảnh sóng nước, mây trời, hoa lá (hoa sen, hoa cúc, hoa dây),... thể hiện sự phát triển của nghệ thuật điêu khắc.

Ở chùa Cói (tỉnh Phú Thọ), đình Tây Đằng (thành phố Hà Nội), đình Lỗ Hạnh (tỉnh Bắc Ninh) có nhiều bức chạm hình tiên nữ với những đường nét sống động, tinh tế.

Thành tựu tiêu biểu về nghệ thuật điêu khắc thời kì này là loại hình chân đèn gốm hoa lam.

1. Kể tên những thành tựu nghệ thuật chính thời Mạc.
2. Trình bày những nét cơ bản về kiến trúc và điêu khắc thời Mạc.



EM CÓ BIẾT?

Chân đèn gốm thời Mạc thường có dáng thon cao, chia thành ba phần chính: phần giữa (thân đèn) có trang trí kiểu "lá đề" cách điệu; phần trên (cổ đèn) có dạng hình ống, phần dưới là một cánh sen có các hình khắc vạch, rồng cuộn đối xứng ngược chiều nhau.

Hình 13. Chân đèn gốm men lam thế kỉ XVI (trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia)

III. NGHỆ THUẬT THỜI LÊ TRUNG HƯNG

1. Kiến trúc

Thời Lê trung hưng, loại hình kiến trúc cung đình, lăng mộ của vua chúa có sự tiếp nối phong cách kiến trúc các thời kì trước, trong khi kiến trúc dân gian lại phát triển theo hướng cởi mở, phóng khoáng hơn.

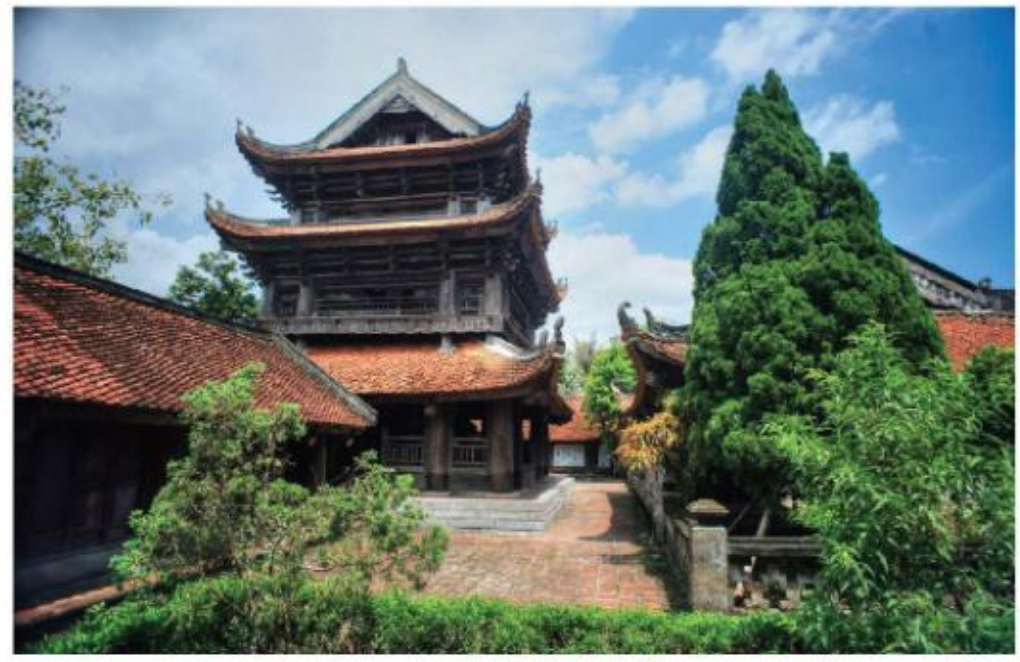
Trong các thế kỉ XVII – XVIII, đình làng đã được xây dựng phổ biến, nhất là ở Đồng bằng Bắc Bộ, tiêu biểu như các đình: Chu Quyến (thành phố Hà Nội), Thổ Tang (tỉnh Phú Thọ), Nhân Lý (thành phố Hải Phòng), Đình Bảng (tỉnh Bắc Ninh),...



Hình 14. Đình Chu Quyến (thành phố Hà Nội)

Nhiều ngôi chùa được xây dựng mới hoặc trùng tu trên nền những ngôi chùa trước đó. Phong cách kiến trúc chùa gần gũi với cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống đời thường.

Một số ngôi chùa được trùng tu như: chùa Côn Sơn (thành phố Hải Phòng), chùa Ngọc Khám, chùa Bút Tháp (tỉnh Bắc Ninh), chùa Thái Lạc (tỉnh Hưng Yên). Một số chùa được xây dựng từ giữa thế kỉ XVII như: chùa Thiên Mụ (thành phố Huế), chùa Mía (thành phố Hà Nội), chùa Keo (tỉnh Hưng Yên),...



Hình 15. Chùa Keo (tỉnh Hưng Yên)

Nhà thờ Công giáo là loại hình kiến trúc tôn giáo mới xuất hiện từ thời Lê trung hưng. Hầu hết các nhà thờ đều được xây dựng theo kiểu kiến trúc gô-tích, tiêu biểu là nhà thờ Phố Hiến (tỉnh Hưng Yên) được xây dựng vào cuối thế kỉ XVII.

Nêu những nét chính về kiến trúc thời Lê trung hưng.

2. Điêu khắc

Nghệ thuật điêu khắc cung đình thời kì này có xu hướng đơn giản hoá, kết hợp với phong cách điêu khắc dân gian.

Nghệ thuật điêu khắc dân gian phát triển rực rỡ, đạt đến đỉnh cao, phản ánh sinh động đời sống và thể hiện ước mơ, khát vọng về cuộc sống bình yên của nhân dân.

Các bức chạm bằng gỗ trong các ngôi đình làng Việt tái hiện cuộc sống lao động, vui chơi của các tầng lớp trong xã hội như: chọi gà, chọi trâu, đấu vật, chơi cờ, đua thuyền,...

Điêu khắc trên gỗ đạt đến trình độ điêu luyện, tiêu biểu là tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay (chùa Bút Tháp, tỉnh Bắc Ninh), tượng Phật Tuyết Sơn và 18 vị La Hán (chùa Tây Phương, thành phố Hà Nội),...

Nêu những nét chính về điêu khắc thời Lê trung hưng.



Hình 16. Tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay ở chùa Bút Tháp (tỉnh Bắc Ninh)

3. Mĩ thuật

Khác với các thời kì trước, bên cạnh dòng tranh dân gian khắc in trên giấy, thời Lê trung hưng còn xuất hiện dòng tranh vẽ và in trên gỗ, lụa.

Dòng tranh dân gian nổi tiếng nhất là tranh Đông Hồ (Bắc Ninh), tranh Hàng Trống và tranh Kim Hoàng (Hà Nội).

Dòng tranh lụa thường khắc hoạ chân dung các nhân vật lịch sử tiêu biểu như: Nguyễn Trãi, Phùng Khắc Khoan, Phan Huy Ích,...

Hoạ tiết mĩ thuật thời Lê trung hưng có phần mộc mạc nhưng rất sinh động và giàu tính hiện thực.



Hình 17. Dàn gà (tranh dân gian Đông Hồ)

1. Nêu những nét cơ bản về thành tựu và đặc điểm mĩ thuật thời Lê trung hưng.
2. Phân tích những điểm mới về nghệ thuật thời Lê trung hưng.

IV. NGHỆ THUẬT THỜI NGUYỄN

1. Kiến trúc

Kiến trúc thời Nguyễn là sự tiếp nối, phát triển của kiến trúc truyền thống và chịu ảnh hưởng của kiến trúc phương Tây.

Tiêu biểu nhất cho phong cách kiến trúc cung đình thời kì này là kinh thành Huế. Đây là quần thể có sự kết hợp độc đáo giữa kiến trúc truyền thống Việt Nam với kiến trúc quân sự phương Tây, bao gồm Hoàng thành, các cung điện,...



Hình 18. Ngọ Môn trong Đại Nội Huế

Kiến trúc kinh thành Huế được tổ chức theo các lớp không gian với hàng trăm công trình chủ yếu được xây dựng theo một trục chính hướng đông nam – tây bắc, bắt đầu từ Kỳ Đài (cột cờ), tiếp đến là Ngọ Môn, sân Đại Triều Nghi, điện Thái Hoà, điện Cần Chánh, điện Càn Thành, điện Kiên Trung và kết thúc ở cửa Hoà Bình. Các công trình còn lại trong khu vực kinh thành Huế được xây dựng đối xứng ở hai bên.

EM CÓ BIẾT?

Kiến trúc vô-băng được xây dựng theo phong cách thành luỹ để phòng thủ, do kiến trúc sư người Pháp tên là Vô-băng (1633 – 1707) thiết kế. Các thành luỹ kiểu vô-băng thường gồm một hệ thống các công trình kiến trúc phòng thủ toàn diện và liên quan mật thiết với nhau như: pháo đài, tường thành, tường bắn, hào thành, đường bao ngoài hào,...

Ở Hà Nội, thành Thăng Long được xây dựng lại theo kiểu vô-băng của Pháp, quy mô nhỏ hơn trước song có hệ thống công sự, ụ súng phòng thủ theo kiến trúc phương Tây.

Ở khu vực Nam Bộ, nhà Nguyễn xây dựng thành Gia Định với sự kết hợp giữa kiểu kiến trúc thành vô-băng với phong cách truyền thống.

Thành Gia Định có khu vực Thái miếu, kho tàng, pháo đài và toà vọng gác. Sau khi chiếm được Gia Định, thực dân Pháp đã cho phá huỷ toàn bộ toà thành.

Nét đặc sắc trong kiến trúc thời Nguyễn còn được thể hiện ở hệ thống lăng tẩm. Các lăng tẩm thường được xây dựng từ khi các vị vua còn trị vì, có phong cảnh hữu tình, với lối chạm khắc tinh xảo và hài hoà với thiên nhiên.

Dưới thời Nguyễn, các công trình đền, chùa ít được đầu tư xây dựng, nhưng vẫn có một số công trình mới tiêu biểu như đền Ngọc Sơn, chùa Báo Ân (Hà Nội),...

Nêu những nét chính về kiến trúc thời Nguyễn.

2. Điêu khắc

Nghệ thuật điêu khắc chủ yếu thể hiện qua các tác phẩm chạm khắc tinh xảo, đa dạng trong các lăng tẩm và di tích.

Điêu khắc lăng tẩm thời Nguyễn nhìn chung khá chặt chẽ về quy cách, các chi tiết được làm giống như thật, đặc tả hiện thực.

Hầu hết lăng của các vị vua Triều Nguyễn tuy khác nhau về kiến trúc nhưng tương đối thống nhất về phong cách điêu khắc. Tượng quan hầu, lính hầu, voi và ngựa được tạc với kích thước gần với nguyên mẫu.

Ở khu vực Bắc Bộ, các công trình điêu khắc Phật giáo tiếp tục phát triển với nhiều chùa, tượng,... song tính sinh động giảm sút so với thời kì trước.

Trong các công trình điêu khắc thời Nguyễn, Cửu đỉnh được coi là kiệt tác tiêu biểu nhất.



Hình 19. Cửu đỉnh ở Đại Nội Huế ▸

Cửu đỉnh được đặt tại sân Thế miếu. Cửu đỉnh được đúc nguyên khối bằng đồng, trên thân từng đỉnh chạm khắc 17 bức hoạ tiết và 1 bức hoạ thư với các chủ đề: tinh tú, núi sông, cửa biển, lãnh hải, cửa ải, hoa cỏ, động vật, binh khí, xe thuyền. Công trình được xem là hình ảnh thu nhỏ của đất nước Việt Nam.

EM CÓ BIẾT?

Cửu đỉnh vừa là biểu tượng uy quyền của triều đình quân chủ, tượng trưng cho đế nghiệp muôn đời bền vững, vừa thể hiện ước mơ về sự trường tồn của Vương triều Nguyễn và sự giàu đẹp của đất nước.

Nêu những nét cơ bản về điêu khắc thời Nguyễn.

3. Mĩ thuật

Mĩ thuật thời Nguyễn bao gồm mĩ thuật cung đình (trang trí cung điện, đền đài, lăng tẩm,...) và mĩ thuật dân gian (trang trí đình, chùa, nhà thờ họ, tranh dân gian, đồ mĩ nghệ,...).

Hầu hết các bộ phận bằng gỗ trong cung điện đều được sơn son thếp vàng và trở thành phong cách trang trí chủ đạo của kiến trúc cung đình, làm cho các công trình thêm rực rỡ nhưng vẫn thể hiện sự tôn nghiêm.

Tiêu biểu trong số các tác phẩm hội hoạ thời Nguyễn phải kể đến bức tranh *Cửu Long ẩn vân* (Chín con rồng ẩn trong mây) được vẽ trên trần lăng vua Khải Định. Bức tranh đã thể hiện tài năng của người hoạ sĩ khi diễn tả được mỗi con rồng một vẻ với màu sắc, thần thái rất sinh động.



Hình 20. Một góc bức tranh *Cửu Long ẩn vân* tại lăng vua Khải Định (thành phố Huế)

Mĩ thuật dân gian thời Nguyễn kế thừa và phát triển mĩ thuật của các thời kì trước. Ngoài các dòng tranh dân gian đã có, thời kì này còn xuất hiện dòng tranh Làng Sình (thành phố Huế). Một số bức vẽ trên các công trình kiến trúc cho thấy bước đầu có sự ảnh hưởng của hội hoạ phương Tây.

Điểm độc đáo của mĩ thuật thời Nguyễn là sự ảnh hưởng, tác động qua lại giữa mĩ thuật dân gian và mĩ thuật cung đình.

Những hoạ tiết trang trí trong các đình làng xung quanh Huế như: Kim Long, Lại Thế, Dương Nỗ,... có nhiều đặc điểm gần với kiến trúc và mĩ thuật cung đình. Ở vùng phụ cận Huế, thợ thủ công mĩ nghệ đã có công không nhỏ trong việc chạm khảm thành quách, lăng tẩm, thêu gấm trang phục, trang trí nội thất cho các công trình của vua và quan lại.

Trình bày những nét nổi bật về mĩ thuật thời Nguyễn.

4. Âm nhạc

Âm nhạc cung đình có vai trò quan trọng trong các nghi lễ của triều đình cũng như đời sống của quan lại, quý tộc.

Đây là thể loại nhạc chính thống của quốc gia với tổ chức dàn nhạc và tiết mục ca múa nhạc có quy mô lớn, có sự trình diễn của nhiều diễn viên, nhạc công. Ngoài ra, thể loại nhạc này có sự biến tấu linh hoạt và tính bác học cao. Dưới Triều Nguyễn, âm nhạc cung đình đạt đến trình độ uyên bác, thể hiện bước phát triển vượt bậc so với các thời kì trước.

EM CÓ BIẾT?

Năm 2003, Nhã nhạc cung đình Huế được UNESCO ghi danh là Kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại. Đây là di sản văn hoá phi vật thể đầu tiên của Việt Nam được công nhận vào danh mục này.



Hình 21. Phục dựng và biểu diễn Nhã nhạc cung đình Huế ▸

Âm nhạc dân gian tiếp tục phát triển mạnh mẽ với sự hoàn thiện của các loại hình âm nhạc truyền thống như lí, hò, hát bội,... Trong quá trình phát triển, âm nhạc dân gian và âm nhạc cung đình đã có sự dung hoà nhất định, tiêu biểu như loại hình ca Huế.

1. Nêu những nét cơ bản về âm nhạc cung đình và âm nhạc dân gian thời Nguyễn.

2. Chỉ ra những điểm mới của nghệ thuật thời Nguyễn.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Thông qua hoạt động thực tế, sưu tầm tư liệu, hoàn thành bảng thống kê những thành tựu chính về nghệ thuật truyền thống Việt Nam qua các thời kì (theo gợi ý dưới đây vào vở).

Thời kì	Công trình kiến trúc tiêu biểu	Công trình (tác phẩm) điêu khắc tiêu biểu
Thời Lý	?	?
Thời Trần	?	?
Thời Lê sơ	?	?
Thời Mạc	?	?
Thời Lê trung hưng	?	?
Thời Nguyễn	?	?

2. Nêu điểm mới của nghệ thuật điêu khắc truyền thống Việt Nam qua các thời kì về chủ đề và hoạ tiết trang trí.

1. Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết một đoạn văn ngắn (dưới 300 chữ) về một tác phẩm điêu khắc (hội hoạ) đã được công nhận là bảo vật quốc gia mà em ấn tượng nhất.

2. Thiết kế một bài giới thiệu để quảng bá giá trị của một công trình (tác phẩm) nghệ thuật truyền thống (thể hiện dưới dạng poster, infographic,...).

CHUYÊN ĐỀ

2 CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TRONG THẾ KỈ XX

Học xong chuyên đề này, em sẽ:

- Giải thích được nguyên nhân bùng nổ, hậu quả và tác động của hai cuộc chiến tranh thế giới (nửa đầu thế kỉ XX).
- Phân tích được khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới giữa hai cuộc chiến tranh.
- Nêu được ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Phân tích được ý nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô.
- Nêu được nét chính về nguyên nhân, đặc điểm, hậu quả của Chiến tranh lạnh. Phân tích được nguyên nhân kết thúc và tác động của Chiến tranh lạnh.
- Giải thích được vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn.
- Sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh. Nêu được nét chính về phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể.
- Giải thích được vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc.
- Có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới.

Hình bên là ảnh chụp bản sao tác phẩm điêu khắc nổi tiếng *Không bạo lực* với khẩu súng khổng lồ có nòng bị thắt nút do nghệ sĩ người Thuỵ Điển C. Ph. Ri-tê-uốt sáng tác, tặng cho Liên hợp quốc và được đặt bên ngoài trụ sở của tổ chức này ở Niu Óoc (Mỹ). Cựu Tổng Thư kí Liên hợp quốc Ko-phi An-nan khẳng định: "Tác phẩm điêu khắc *Không bạo lực* không chỉ là một tác phẩm nghệ thuật đơn thuần; nó đã làm phong phú thêm ý thức của nhân loại với một hàm ý biểu tượng mạnh mẽ trong những đường nét đơn giản lời cầu nguyện vĩ đại nhất của con người: hoà bình cho mọi người". Vì sao hoà bình trở thành ước muốn vĩ đại nhất của mọi người? Hãy chia sẻ những điều em biết về chiến tranh, về hoạt động chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình của nhân dân thế giới trong thế kỉ XX.



Hình 1. Tác phẩm điêu khắc *Không bạo lực*

I. CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TRONG NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX

1. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)

a) Nguyên nhân

Chiến tranh thế giới thứ nhất bắt nguồn từ sự phát triển không đều về kinh tế – chính trị của chủ nghĩa tư bản vào những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.

Sự phát triển không đồng đều đó làm thay đổi so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc. Đức cùng Áo – Hung và I-ta-li-a thành lập liên minh tay ba, được gọi là *phe Liên minh* (sau này I-ta-li-a đã rời khỏi liên minh này). Đối phó với âm mưu của Đức, các nước Anh, Pháp và Nga đã kí với nhau những bản hiệp ước tay đôi, hình thành *phe Hiệp ước*.

Tham vọng bành trướng thuộc địa và chính sách chạy đua vũ trang của Đức đe doạ trực tiếp hệ thống thuộc địa của Anh, Pháp; đồng thời trở thành nguồn gốc của những căng thẳng trong quan hệ quốc tế ở châu Âu vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.

Sự kiện Thái tử đế quốc Áo – Hung là Ph. Phéc-đi-năng và phu nhân bị một sinh viên người Xéc-bi sát hại tại Bô-xni-a ngày 28 – 6 – 1914 là "giọt nước tràn li" và được coi là cái cớ để Đức kích động Áo – Hung gây chiến với Xéc-bi (28 – 7). Sau đó, Đức tuyên chiến với Nga (1 – 8) và Pháp (3 – 8), Anh tuyên chiến với Đức (4 – 8), Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ.

TƯ LIỆU 1. "Về cả hai phía, cuộc chiến tranh đó đều là chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, điều đó hiện nay không còn bàn cãi gì nữa… Chiến tranh vô luận do giai cấp tư sản Đức hoặc do giai cấp tư sản Anh – Pháp, cũng đều nhằm cướp bóc các nước khác, bóp nghẹt các dân tộc nhược tiểu, thống trị thế giới về mặt tài chính, chia và chia lại thuộc địa."

(*Lê-nin: Toàn tập*, Tập 31, NXB Chính trị quốc gia, 2005, tr. 18)

Giải thích những nguyên nhân sâu xa và duyên cớ trực tiếp dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất.

b) Hậu quả và tác động

Sau hơn 4 năm (từ tháng 7 – 1914 đến tháng 11 – 1918), Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc với thắng lợi của phe Hiệp ước, thất bại của phe Liên minh và để lại những hậu quả nặng nề cho toàn thế giới.



Hình 2. Hoa hồng phủ kín con hào bao quanh tháp Luân Đôn (Anh)

EM CÓ BIẾT?

Tháng 11 – 2014, vào dịp kỉ niệm 100 năm ngày Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, 900 nghìn bông hoa hồng đã phủ kín con hào bao quanh tháp Luân Đôn (Anh) để tưởng nhớ những người đã ngã xuống trong chiến tranh.

Bảng 1. Thống kê số liệu về một số hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất

Danh mục thống kê	Số liệu
1. Số nước tham chiến	38
2. Số người gia nhập quân đội (triệu người)	74
3. Số người chết vì chiến tranh (triệu người)	10
4. Số người bị tàn phế (triệu người)	20
5. Thiệt hại về vật chất (tỉ USD)	85

Chiến tranh thế giới thứ nhất cũng đồng thời tác động mạnh mẽ đến tình hình thế giới.

Chiến tranh làm thay đổi sâu sắc bản đồ chính trị châu Âu với sự sụp đổ của 4 đế quốc lớn. Đế quốc Nga đã sụp đổ trước thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Các đế quốc: Đức, Áo – Hung, Ốt-tô-man bại trận và sụp đổ khi chiến tranh kết thúc. Trong khi châu Âu suy sụp vì chiến tranh thì 2 nước tư bản ngoài châu Âu (Mỹ và Nhật Bản) có điều kiện vươn lên nhanh chóng.

Chiến tranh kết thúc mở ra một thời kì mới trong lịch sử thế giới. Một trật tự thế giới mới được xác lập phù hợp với tương quan lực lượng mới giữa các cường quốc, được gọi là hệ thống Véc-xai – Oa-sinh-tơn. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và sự ra đời nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới mở ra thời kì phát triển mới trong phong trào cách mạng thế giới.

1. Khai thác Bảng 1, phân tích hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

2. Đánh giá tác động của Chiến tranh thế giới thứ nhất đối với tình hình thế giới.

2. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)

a) Nguyên nhân

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ ngày 1 – 9 – 1939, bắt nguồn từ những nguyên nhân khác nhau.

TƯ LIỆU 2. "Nguyên nhân sâu xa hay nguồn gốc của Chiến tranh thế giới thứ hai là tác động của quy luật phát triển không đồng đều về kinh tế và chính trị giữa các nước tư bản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa. Sự phát triển không đồng đều đã làm cho so sánh lực lượng giữa các nước thay đổi căn bản, khiến cho sự phân chia thế giới theo hệ thống Véc-xai – Oa-sinh-tơn do kết quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất không còn phù hợp nữa".

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010, tr. 186)

Trật tự Véc-xai – Oa-sinh-tơn do các nước thắng trận xác lập không mang lại hoà bình cho thế giới vì những mâu thuẫn về quyền lợi giữa các nước không thể giải quyết.

Việc nước Đức phải chấp nhận những điều khoản nặng nề của Hoà ước Véc-xai đã dẫn tới những tổn thương dân tộc sâu sắc. Sự bất lực của Hội Quốc liên – tổ chức giám sát trật tự thế giới đã tạo điều kiện cho Đức cùng các nước phát xít khác tự do tái vũ trang và phát động chiến tranh.

Cuộc đại khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, tạo điều kiện cho các thế lực phát xít lên cầm quyền ở Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản. Các thế lực phát xít là thủ phạm gây ra chiến tranh.

Các nước Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản đi theo con đường phát xít hoá chế độ chính trị để cứu vãn tình trạng khủng hoảng, đồng thời liên kết thành khối Liên minh phát xít hay còn gọi là phe Trục. Khối liên minh này vừa chống lại Quốc tế Cộng sản, vừa tăng cường các hoạt động quân sự và xâm lược nhiều khu vực khác nhau trên thế giới.



Hình 3. Lễ khai mạc phiên họp Rây-xtác, Hít-le lên làm Thủ tướng Đức

Chính sách thoả hiệp, nhượng bộ của các nước phương Tây nhằm chĩa mũi nhọn chiến tranh về phía Liên Xô đã tạo điều kiện cho phe phát xít gây chiến.

Trong Hiệp ước Muy-ních (9 – 1938), Anh – Pháp trao vùng Xuy-đét của Tiệp Khắc cho Đức, là đỉnh cao trong chính sách nhượng bộ của hai nước này để đổi lấy sự cam kết của Hít-le về việc chấm dứt mọi cuộc thôn tính ở châu Âu.

1. Khai thác Tư liệu 2 và thông tin trong mục, giải thích nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai.
2. Nguyên nhân bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ nhất và Chiến tranh thế giới thứ hai có điểm gì giống nhau?

b) Hậu quả và tác động

Sau 6 năm (từ ngày 1 – 9 – 1939 đến ngày 15 – 8 – 1945) với các cuộc chiến bao trùm hầu hết các châu lục, đại dương, Chiến tranh thế giới thứ hai trở thành cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử nhân loại.

Bảng 2. Thống kê số liệu về hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai

Danh mục thống kê	Số liệu
1. Số nước tham chiến	76
2. Số người gia nhập quân đội (triệu người)	110
3. Số người chết vì chiến tranh (triệu người)	60
4. Số người bị tàn phế (triệu người)	90
5. Thiệt hại về vật chất (tỉ USD)	4 000

Kết cục của chiến tranh đã tạo ra những chuyển biến căn bản của tình hình thế giới.

Thắng lợi của Liên Xô trong cuộc chiến chống phát xít đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự ra đời của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và châu Á, thúc đẩy sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc, dẫn đến sự ra đời của các quốc gia độc lập ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.

Chiến tranh làm thay đổi căn bản tương quan lực lượng giữa các nước tư bản. Mỹ vươn lên trở thành siêu cường đứng đầu hệ thống tư bản chủ nghĩa. Một trật tự thế giới mới được hình thành – Trật tự hai cực I-an-ta với sự cân bằng quyền lực giữa hai siêu cường Liên Xô và Mỹ.

Sự ra đời của Liên hợp quốc với những nguyên tắc nền tảng trong quan hệ quốc tế về quyền bình đẳng, quyền tự quyết của các quốc gia; giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hoà bình, tôn trọng luật pháp quốc tế,... đã mở ra một chương mới trong lịch sử chính trị thế giới.



Hình 4. Lễ kí Hiến chương Liên hợp quốc ngày 26 – 6 – 1945 tại Xan Phran-xi-xcô (Mỹ)

1. Khai thác Bảng 1 (tr. 22) và Bảng 2 (tr. 24), em có nhận xét gì về hậu quả của hai cuộc chiến tranh thế giới?
2. Đánh giá những tác động của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại.

3. Cuộc đấu tranh vì hoà bình trong thời gian giữa hai cuộc chiến tranh thế giới

a) Chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô

• Sắc lệnh Hoà bình của Lê-nin

Ngay sau khi Cách mạng tháng Mười giành được thắng lợi, một trong những sắc lệnh đầu tiên được Chính quyền Xô viết thông qua vào ngày 26 – 10 – 1917 là *Sắc lệnh Hoà bình* do Lê-nin soạn thảo.

Lần đầu tiên trong lịch sử thế giới đã xuất hiện một văn kiện lịch sử có giá trị như một cương lĩnh chống chiến tranh, thể hiện khát vọng hoà bình của nhân dân Nga nói riêng và nhân dân thế giới nói chung.

• Chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô

Ngay từ buổi đầu thành lập, Liên Xô đã xác lập những nguyên tắc cơ bản trong chính sách đối ngoại là hoà bình, bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, cùng tồn tại hoà bình giữa các quốc gia có chế độ chính trị – xã hội khác nhau.

Liên Xô tham gia kí kết *Hiệp ước chung về từ bỏ chiến tranh* ở Pa-ri (8 – 1928) và là một trong những quốc gia đầu tiên phê chuẩn hiệp ước này.

Trong bối cảnh chủ nghĩa phát xít lên cầm quyền ở một số nước, Chính phủ Liên Xô tích cực đấu tranh cho việc giải trừ quân bị hoàn toàn và có đóng góp cho cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình cũng như nền an ninh tập thể của châu Âu.

Liên Xô hỗ trợ và tham gia lực lượng tình nguyện quốc tế ủng hộ nước Cộng hoà Tây Ban Nha chống lại phát xít Phran-cô trong cuộc nội chiến Tây Ban Nha (1936 – 1939).

1. Nêu ý nghĩa của *Sắc lệnh Hoà bình* năm 1917 của Lê-nin.
2. Phân tích khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân Liên Xô thông qua chính sách ngoại giao của Liên Xô.

b) Hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu trong thời gian giữa hai cuộc chiến tranh thế giới

Những hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất cho thấy sự cần thiết phải thiết lập một hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu để ngăn chặn chiến tranh.

Ngày 10 – 1 – 1920, Hội Quốc liên chính thức thành lập với 44 nước kí vào Công ước sáng lập (sau đó có thêm 19 nước tham gia). Mặc dù còn nhiều hạn chế nhưng sự thành lập

Hội Quốc liên đánh dấu bước phát triển mới trong hình thành cơ chế giám sát việc giải trừ quân bị, ngăn ngừa chiến tranh, bảo vệ hoà bình thế giới.



Hình 5. Hội nghị thành lập Hội Quốc liên ở Pa-ri (Pháp)

Trong thập kỉ 20 của thế kỉ XX, hàng loạt hội nghị quốc tế về hoà bình, giải trừ quân bị diễn ra trong khuôn khổ Hệ thống Véc-xai – Oa-sinh-tơn. Tại Hội nghị Lô-các-nô (Thuỵ Sĩ, năm 1925), các nước châu Âu đã kí kết hệ thống hiệp ước về việc xây dựng một hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu.

Theo sáng kiến của Pháp và Mỹ, *Hiệp ước chung về từ bỏ chiến tranh* được kí kết tại Pa-ri ngày 27 – 8 – 1928 với sự tham gia của đại diện 15 nước (sau này tăng lên 57 nước).

Sự ra đời của Hội Quốc liên cùng với việc tổ chức các hội nghị quốc tế quan trọng đã cho thấy những nỗ lực của các nước trong việc xây dựng một hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu, góp phần gìn giữ hoà bình, an ninh quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Vì sao việc thiết lập hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là cần thiết?

c) Phong trào Mặt trận Nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh

Trước nguy cơ bùng nổ một cuộc chiến tranh thế giới mới, các đảng cộng sản dưới sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản đã thống nhất hành động với các đảng xã hội dân chủ và các lực lượng yêu nước, thành lập Mặt trận Nhân dân chống phát xít ở nhiều nước trên thế giới.

Ở Pháp, Mặt trận Nhân dân Pháp đã thực hiện một số cải cách tiến bộ, bảo vệ được nền dân chủ, đưa nước Pháp vượt qua được hiểm hoạ của chủ nghĩa phát xít.

Ở Tây Ban Nha, Chính phủ Cộng hoà với sự hỗ trợ của Liên Xô và Lữ đoàn tình nguyện quốc tế đến từ 53 nước trên thế giới kiên quyết chống trả cuộc tấn công của lực lượng phát xít Phran-cô.



Hình 6. Những chiến sĩ thuộc Lữ đoàn tình nguyện quốc tế tham gia bảo vệ nước Cộng hoà Tây Ban Nha

Phong trào thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất diễn ra sôi nổi ở các nước thuộc địa, phụ thuộc nhằm tập hợp các tầng lớp nhân dân trong cuộc đấu tranh chống phát xít và nguy cơ chiến tranh.

Ở Đông Nam Á, Mặt trận Nhân dân In-đô-nê-xi-a đã lãnh đạo phong trào đấu tranh đòi quyền dân chủ, quyền tự quyết, chống phát xít và nguy cơ chiến tranh ở nước này.

Mặt trận Dân chủ Đông Dương thành lập và hoạt động tích cực trong những năm 1936 – 1939, tập hợp các lực lượng đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân chủ.

Ở khu vực Mỹ La-tinh, trong những năm 1935 – 1939, Mặt trận Nhân dân được thành lập ở Mê-hi-cô, Chi-lê, Ác-hen-ti-na, Bra-xin,... đã tập hợp đông đảo các lực lượng yêu nước trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ nền dân chủ và hoà bình.

Cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới được thể hiện như thế nào qua phong trào Mặt trận Nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh trong những năm 30 của thế kỉ XX? Cho biết ý nghĩa của phong trào đó.

d) Phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai

- **Phong trào chống phát xít ở châu Âu, châu Á, châu Phi**

Cuộc kháng chiến chống phát xít của nhân dân thế giới góp phần quan trọng vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít, mang lại hoà bình cho nhân loại.

Phong trào kháng chiến ở các nước châu Âu góp phần quan trọng trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít và bổ sung lực lượng cho quân Đồng minh, tiêu biểu là ở Ba Lan và Pháp.

Ở châu Á, Trung Quốc là một trong những mặt trận chính chống lại quân phiệt Nhật Bản. Trước Chiến tranh Thái Bình Dương (1941 – 1943), hơn 1,5 triệu quân Nhật đã thiệt mạng ở Trung Quốc.

Các lực lượng kháng chiến đã sát cánh cùng các lực lượng Đồng minh chống phát xít, khi có điều kiện thuận lợi thì chớp thời cơ tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc.

Ở Đông Nam Á, các nước Việt Nam, Lào, In-đô-nê-xi-a giành được độc lập trong năm 1945. Những năm sau đó, các nước Đông Nam Á khác lần lượt được trao trả độc lập.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Nhật đã tạo điều kiện thuận lợi cho Đảng Cộng sản Trung Quốc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, đánh bại tập đoàn Tưởng Giới Thạch. Ngày 1 – 10 – 1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa chính thức được thành lập.

Phong trào kháng chiến chống phát xít của nhân dân thế giới tạo tiền đề thuận lợi cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đặc biệt là đối với các nước thuộc địa và phụ thuộc ở châu Á. Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á đã cổ vũ, thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ ở châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.

- **Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô**

Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô đóng vai trò quyết định trong việc tiêu diệt phát xít Đức ở châu Âu, mặt trận khốc liệt nhất trong Chiến tranh thế giới thứ hai và kết thúc chiến tranh ở châu Âu.



Hình 7. Cuộc diễu binh kỉ niệm 75 năm Ngày chiến thắng phát xít ở Thủ đô Mát-xcơ-va (ngày 9 – 5 – 2020)

Sự ác liệt và quy mô ở Mặt trận Xô – Đức vượt qua tất cả những mặt trận khác với những quân đoàn phát xít tinh nhuệ nhất, những trận đánh lớn nhất về số lượng binh lính và phương tiện kĩ thuật, mang tính quyết định sự xoay chuyển cục diện chiến tranh.

Liên Xô phải hứng chịu những tổn thất to lớn: gần 27 triệu người dân Liên Xô đã thiệt mạng, khoảng 4 triệu người bị tra tấn và sát hại tại các khu trại của phát xít Đức, khoảng 4,5 triệu Hồng quân và sĩ quan đã bị bắt giữ.

Là lực lượng chủ lực trong việc tiêu diệt phát xít Đức ở châu Âu, Liên Xô ra khỏi chiến tranh với tư cách người chiến thắng và sau đó trở thành một trong hai siêu cường thế giới về kinh tế, quân sự. Chiến thắng của Liên Xô làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho phong trào cách mạng thế giới.

Với sự hỗ trợ của Liên Xô, chủ nghĩa xã hội từ một nước đã trở thành một hệ thống thế giới. Chiến thắng của Liên Xô tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của dòng thác cách mạng giải phóng dân tộc, từng bước làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc tại châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.

1. Nêu ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
2. Phân tích ý nghĩa cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô.

II. CHIẾN TRANH LẠNH (1947 – 1989)

1. Nguyên nhân, đặc điểm

a) Nguyên nhân

Chiến tranh lạnh là tình trạng đối đầu căng thẳng về tư tưởng, chính trị, quân sự, kinh tế,... giữa hai cực do Mỹ – Liên Xô đứng đầu trong những năm 1947 – 1989. Tình trạng này xuất phát từ nguyên nhân cơ bản là sự đối lập sâu sắc về hệ tư tưởng, về quyền lực giữa Mỹ và Liên Xô trong trật tự thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Sự đối đầu về hệ tư tưởng giữa Mỹ với Liên Xô đã bắt đầu từ sau Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ vươn lên trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất. Lo ngại ảnh hưởng to lớn của Liên Xô đe doạ tham vọng bá chủ toàn cầu của mình, Mỹ tìm cách ngăn chặn ảnh hưởng của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

TƯ LIỆU 3. Trong bài diễn văn đọc trước Quốc hội ngày 12 – 3 – 1947, Tổng thống Mỹ Tơ-ru-man công bố chính sách đối ngoại mới (sau này được gọi là *Học thuyết Tơ-ru-man*), nêu rõ phải "ngăn chặn nguy cơ của chủ nghĩa cộng sản" và "mối đe doạ của Liên Xô". "Các quốc gia trên thế giới đang đối mặt với một sự lựa chọn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản…".

(Theo *Học thuyết Tơ-ru-man*, nguồn dẫn: *https://www.ourdocuments.gov*)

Tháng 6 – 1947, Mỹ tiếp tục đưa ra kế hoạch tái thiết châu Âu với tên gọi *Kế hoạch phục hưng châu Âu* (còn gọi là Kế hoạch Mác-san).

Trong *Kế hoạch phục hưng châu Âu*, Ngoại trưởng Mỹ G. Mác-san đề xuất khoản viện trợ (hàng hoá và tiền) trị giá trên 13 tỉ USD để giúp các nước Tây Âu phục hồi kinh tế, mở rộng ảnh hưởng của Mỹ, đồng thời tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh chống Liên Xô. Kế hoạch Mác-san được đánh giá là "một mũi tên trúng nhiều đích" và là "bình minh của Chiến tranh lạnh".

Trong bối cảnh đó, tháng 1 – 1949, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV) nhằm tăng cường hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa.

Hội đồng Tương trợ kinh tế chú trọng việc đẩy mạnh quan hệ hợp tác kinh tế giữa Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; phân công sản xuất theo hướng chuyên ngành, hỗ trợ lẫn nhau trong xuất khẩu, phát triển kinh tế và hợp tác khoa học – kĩ thuật.

Tháng 4 – 1949, Mỹ thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) – liên minh chính trị, quân sự của các nước tư bản phương Tây nhằm chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

TƯ LIỆU 4. Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương quy định: Trong trường hợp có cuộc tấn công vũ trang vào một hoặc một số nước thành viên ở châu Âu hoặc Bắc Mỹ thì được coi đó là cuộc tấn công vào cả khối, do vậy các nước có quyền hành động hoặc sử dụng quyền tự vệ tập thể, kể cả sử dụng lực lượng vũ trang.

(Theo *Điều 5, Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương*, nguồn dẫn: *https://www.nato.int*)

Để đối trọng với NATO, tháng 5 – 1955, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu kí kết Hiệp ước Vác-sa-va, thành lập Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va, một liên minh chính trị, quân sự mang tính chất phòng thủ.



Hình 8. Lễ kí kết Hiệp ước Vác-sa-va (Ba Lan)

Sự ra đời của NATO và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va đánh dấu sự xác lập của Trật tự thế giới hai cực do Mỹ và Liên Xô đứng đầu mỗi cực. Sự đối đầu giữa hai khối quân sự trở thành mặt trận chính yếu của cuộc Chiến tranh lạnh.

Khai thác các tư liệu 3, 4 và thông tin trong mục, nêu những nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh lạnh.

b) Đặc điểm

Chiến tranh lạnh có những đặc điểm khác biệt so với các cuộc chiến tranh đã từng diễn ra trong lịch sử.

Thứ nhất, Chiến tranh lạnh là cuộc chiến tranh không nổ súng, không có xung đột quân sự trực tiếp giữa Mỹ và Liên Xô nhưng thế giới luôn ở tình trạng căng thẳng do cuộc chạy đua vũ trang quyết liệt giữa hai siêu cường.

Cuộc chạy đua vũ trang giữa Mỹ và Liên Xô bắt đầu từ thập kỉ 50 của thế kỉ XX, lên tới đỉnh cao vào thập kỉ 70. Cùng với việc tăng cường khối lượng khổng lồ các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh, thành lập các liên minh quân sự ở các khu vực trên thế giới, hai nước ráo riết chạy đua chế tạo, sản xuất vũ khí hạt nhân.

Thứ hai, Chiến tranh lạnh kéo dài hơn 40 năm, trải qua những giai đoạn căng thẳng cao độ nhưng cuối cùng không dẫn tới một cuộc "chiến tranh nóng" trực tiếp giữa hai khối quân sự cũng như hai cường quốc đứng đầu hai khối.

Cuộc khủng hoảng tên lửa ở Cu-ba tháng 10 – 1962 là cuộc đối đầu về vũ khí hạt nhân căng thẳng nhất giữa hai khối. Cuộc khủng hoảng cuối cùng kết thúc với sự nhượng bộ từ hai phía: Liên Xô rút quân đội và vũ khí hạt nhân ra khỏi Cu-ba, Mỹ cam kết từ bỏ kế hoạch xâm lược Cu-ba, rút tên lửa khỏi I-ta-li-a và Thổ Nhĩ Kỳ. Sau đó, Liên Xô và Mỹ thành lập một "đường dây nóng" để các nhà lãnh đạo có thể trực tiếp trao đổi, giải quyết những cuộc khủng hoảng tương tự trong tương lai.

Thứ ba, trong thời kì Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh cục bộ và xung đột quân sự vẫn xảy ra ở các khu vực khác nhau trên thế giới.

Ở châu Á, chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1953), chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 – 1975), chiến tranh Áp-ga-ni-xtan (1979 – 1989),... là những cuộc chiến tranh cục bộ tiêu biểu. Ở khu vực Trung Đông, chiến tranh Trung Đông giữa I-xra-en (với sự hỗ trợ của Mỹ) và các nước A-rập (có sự giúp đỡ của Liên Xô) bắt đầu từ năm 1948 và kéo dài trong nhiều năm.

Nêu những đặc điểm của Chiến tranh lạnh.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

c) Hậu quả

Chiến tranh lạnh để lại những hậu quả to lớn, lâu dài cho thế giới nói chung.

Thứ nhất, trong suốt hơn 4 thập niên (1947 – 1989), thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng.

Việc các cường quốc chi một khối lượng khổng lồ về tiền của và sức người để sản xuất các loại vũ khí huỷ diệt, xây dựng hàng nghìn căn cứ quân sự, luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng nổ một cuộc chiến tranh thế giới mới.

Thứ hai, Chiến tranh lạnh tác động toàn diện đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị của thế giới.

EM CÓ BIẾT?

Trong số các tên lửa đạn đạo xuyên lục địa mang đầu đạn hạt nhân do Mỹ chế tạo, tên lửa Ti-tan II có sức công phá và khả năng huỷ diệt gấp 650 lần bom nguyên tử, được đặt trong giếng sâu 45 m dưới lòng đất, có trang bị đầu đạn, nhiên liệu, sẵn sàng phóng bất cứ lúc nào.

Cuộc chạy đua vũ trang đã khiến cho các cường quốc, đặc biệt là Mỹ và Liên Xô phải đầu tư khoản chi phí quân sự khổng lồ, đồng thời làm cho đời sống nhân dân của nhiều nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Do tác động của Chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia trên thế giới phải lựa chọn con đường phát triển dựa trên sự định hình ý thức hệ.

Thứ ba, Chiến tranh lạnh đã khiến cho hàng triệu người chết và tàn phế vì các cuộc chiến tranh cục bộ diễn ra ở khắp các khu vực trên thế giới.

Chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1953) đã khiến cho khoảng trên 3 triệu người thương vong. Cuộc chiến tranh Việt Nam của thực dân Pháp và sau đó là đế quốc Mỹ (1945 – 1975) đã làm khoảng 4 triệu người chết hoặc bị thương tật suốt đời.

Đánh giá những hậu quả của Chiến tranh lạnh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

d) Chiến tranh lạnh kết thúc

Tháng 12 – 1989, trong cuộc gặp không chính thức tại đảo Man-ta (Địa Trung Hải), Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M. Goóc-ba-chốp và Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ chính thức cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh. Trên thực tế, Chiến tranh lạnh thực sự kết thúc sau khi Liên Xô tan rã, Trật tự hai cực I-an-ta sụp đổ.



Hình 9. Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M. Goóc-ba-chốp tại cuộc gặp ở Man-ta

Chiến tranh lạnh kết thúc xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau đây:

Thứ nhất, cuộc chạy đua vũ trang kéo dài đã làm cho Mỹ và Liên Xô đều bị suy giảm sức mạnh trên nhiều mặt so với các cường quốc khác. Cả hai đều cần thoát ra khỏi thế đối đầu để ổn định và củng cố vị thế của mình.

TƯ LIỆU 5. "Trong vòng 20 năm, từ những năm 1960 – 1980, Liên Xô phải chi cho quốc phòng khoảng từ 11% – 13% thu nhập quốc dân, còn Mỹ là khoảng 7% – 8% thu nhập quốc dân. Việc huy động ngân sách quốc phòng quá lớn đã ảnh hưởng xấu đến các chương trình kinh tế, đến việc nâng cao đời sống nhân dân và giảm sút thế mạnh của hai nước".

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*, Sdd, tr. 93)

Thứ hai, sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản, các nước Tây Âu,... đặt ra những thách thức to lớn cho cả Mỹ và Liên Xô. Các nước này trở thành những đối thủ cạnh tranh đáng gờm đối với Mỹ. Tình trạng suy yếu và khủng hoảng ở Liên Xô ngày càng trầm trọng vào nửa sau thập kỉ 80.

Sự nổi lên của Nhật Bản, các nước Tây Âu, đặc biệt là Đức đã tạo ra những trung tâm kinh tế đối trọng với Mỹ, dẫn đến những thay đổi trong cán cân kinh tế thế giới. Tình trạng khủng hoảng kinh tế kéo dài đã làm suy giảm sức mạnh và vai trò siêu cường của Liên Xô.

Thứ ba, mặc dù Chiến tranh lạnh vẫn tiếp diễn nhưng xu hướng hoà hoãn Đông – Tây đã xuất hiện từ thập kỉ 70 với việc Xô – Mỹ đạt được những thoả thuận về hạn chế vũ khí chiến lược, tiến hành những cuộc gặp gỡ cấp cao, nhất là từ khi M. Goóc-ba-chốp lên cầm quyền ở Liên Xô vào năm 1985.

Tháng 5 – 1972, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô L. Brê-giơ-nhép và Tổng thống Mỹ R.Ních-xơn đã kí thoả thuận về hạn chế vũ khí hạt nhân (SALT-1). Đây là nỗ lực lớn của hai bên đạt được nhằm kiểm soát vũ khí hạt nhân.

Thứ tư, những sai lầm trong chính sách và công cuộc cải tổ của M. Goóc-ba-chốp là một trong những nhân tố thúc đẩy sự kết thúc Chiến tranh lạnh. Liên Xô đã thực sự không thể tiếp tục cạnh tranh với Mỹ trong cuộc đối đầu Đông – Tây.

Từ giữa thập kỉ 80, Liên Xô bắt đầu cuộc cải tổ nhằm vực dậy kinh tế đất nước, đồng thời quyết định ngừng cuộc chạy đua vũ trang với phương Tây để tập trung phát triển kinh tế. Tuy nhiên, những sai lầm trong công cuộc cải tổ đã khiến cho đất nước tiếp tục lún sâu vào khủng hoảng về kinh tế, bất ổn về chính trị, dẫn đến sự sụp đổ của Liên Xô.

Sự kiện Chiến tranh lạnh kết thúc đã tác động mạnh mẽ đến tình hình thế giới.

Chiến tranh lạnh kết thúc cùng với sự tan rã của Liên Xô, sự sụp đổ của Trật tự hai cực I-an-ta, đồng thời kéo theo những thay đổi về tương quan lực lượng có lợi cho Mỹ và phương Tây. Mỹ có lợi thế tạm thời để thực hiện tham vọng thiết lập trật tự thế giới một cực do Mỹ đứng đầu.

Chiến tranh lạnh chấm dứt tạo điều kiện hoà bình để giải quyết các vụ xung đột diễn ra ở nhiều khu vực trên thế giới.

Ở Áp-ga-ni-xtan, Liên Xô và Mỹ đã thoả thuận giải quyết xung đột với việc Liên Xô rút quân khỏi Áp-ga-ni-xtan. Tháng 10 – 1991, Hiệp định về một giải pháp toàn bộ ở Cam-pu-chia được kí kết tại Pa-ri, chấm dứt cuộc xung đột kéo dài hơn một thập kỉ. Cuộc chiến ở Na-mi-bi-a kết thúc với việc quân đội Nam Phi và quân tình nguyện Cu-ba đều rút quân,...

Sau Chiến tranh lạnh, xu thế hoà bình, hợp tác, hội nhập dần trở thành xu hướng chính trong sự phát triển của các quốc gia trên thế giới. Các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam đẩy mạnh quá trình điều chỉnh chiến lược phát triển, đặt ưu tiên hàng đầu cho phát triển kinh tế.

Phân tích nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh và tác động đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

III. CHIẾN TRANH, XUNG ĐỘT QUÂN SỰ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

1. Các cuộc nội chiến, xung đột quân sự khu vực

Sau Chiến tranh lạnh, xuất phát từ những nguyên nhân khác nhau, các cuộc xung đột quân sự, nội chiến vẫn tiếp diễn ở nhiều khu vực trên thế giới, tiêu biểu là ở bán đảo Ban-căng, khu vực Trung Đông, một số nước châu Phi,...

Tại bán đảo Ban-căng, cuộc chiến tranh Bô-xni-a (1992 – 1995) xuất phát từ mâu thuẫn giữa các nhóm sắc tộc, tôn giáo đã gây ra thiệt hại to lớn về người và của, khiến khoảng 100 nghìn người thiệt mạng.

Khu vực Trung Đông luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát bạo lực và chiến tranh do những mâu thuẫn về tôn giáo, sắc tộc, lãnh thổ do lịch sử để lại. Trong đó, tiêu biểu là cuộc xung đột kéo dài nhiều năm giữa I-xra-en và Pa-le-xtin, gây ra những hậu quả nặng nề cho cả hai bên.



Hình 10. Một hình ảnh về cuộc xung đột ở dải Ga-da giữa I-xra-en và Pa-le-xtin (5 – 2021)

Ở châu Phi, các cuộc xung đột, nội chiến tiếp tục kéo dài từ sau Chiến tranh lạnh, như ở Li-bi, Xô-ma-li, Xu-đăng,... gây ra tình trạng an ninh bất ổn, khủng hoảng nhân đạo, dịch bệnh, đói nghèo.

? Vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc nội chiến, xung đột quân sự khu vực vẫn tiếp diễn?

2. Cuộc tấn công khủng bố ngày 11 – 9 – 2001 và cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ

EM CÓ BIẾT?

Sáng ngày 11 – 9 – 2001, các đối tượng khủng bố thuộc Tổ chức An-kê-đa chiếm quyền điều khiển 4 máy bay chở khách, tấn công hàng loạt mục tiêu quan trọng của nước Mỹ. Vụ tấn công đã làm khoảng 3 000 người thiệt mạng, hơn 6 000 người khác bị thương, gây ra tổn thất ước tính lên tới 3 000 tỉ USD.

Ngày 11 – 9 – 2001, lực lượng khủng bố Hồi giáo cực đoan bất ngờ tiến hành đồng loạt các cuộc tấn công bằng máy bay dân dụng vào các trung tâm quan trọng của nước Mỹ.

Vụ tấn công khủng bố xuất phát từ sự bất bình và tâm lí chống Mỹ của các lực lượng Hồi giáo. Chính sách bá quyền của Mỹ, đặc biệt

là chính sách thiên vị, ủng hộ I-xra-en, phân biệt đối xử với Pa-le-xtin và các nước A-rập ở Trung Đông làm gia tăng mâu thuẫn giữa Mỹ với thế giới Hồi giáo, dẫn đến phản ứng mạnh mẽ từ các phần tử Hồi giáo cực đoan,...

Vụ tấn công khủng bố đã tác động trực tiếp và lâu dài đến tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Mỹ, khiến chủ nghĩa khủng bố trở thành mối đe doạ hàng đầu đối với nước Mỹ. Chính quyền G. Bu-sơ xác định kẻ thù của nước Mỹ ngày nay là chủ nghĩa khủng bố quốc tế.

Ngay sau khi xảy ra cuộc tấn công khủng bố ngày 11 – 9 – 2001, Tổng thống G. Bu-sơ đã phát động cuộc chiến chống khủng bố trên phạm vi toàn cầu, kéo hàng loạt quốc gia trên thế giới vào guồng máy chiến tranh của Mỹ.

Chính quyền Mỹ sử dụng ưu thế sức mạnh quân sự "đánh phủ đầu" đối với các mối đe doạ khủng bố, tiêu biểu là việc tiến hành chiến tranh ở Áp-ga-ni-xtan (2001) và I-rắc (2003). Sau 2 cuộc chiến tranh với nhiều tổn thất về người và của, trước mối đe doạ khủng bố đã lan rộng ra ngoài lãnh thổ Áp-ga-ni-xtan, năm 2018, Mỹ tiếp tục đưa ra chiến lược chống khủng bố mới.

Sau gần 20 năm, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ đã thu được những kết quả nhất định. Về mặt tích cực, cuộc chiến chống khủng bố đã tấn công vào thành trì của chủ nghĩa khủng bố, tiêu diệt được một số lãnh đạo cao cấp của lực lượng khủng bố quốc tế. Tuy nhiên, cuộc chiến chống khủng bố vẫn còn tiếp diễn để ngăn chặn tình trạng khủng bố còn xảy ra ở một số khu vực trên thế giới.

1. Giải thích nguyên nhân xảy ra vụ tấn công khủng bố ngày 11 – 9 – 2001 ở Mỹ.
2. Vì sao sau sự kiện ngày 11 – 9 – 2001, Mỹ phát động cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu?

IV. CUỘC ĐẤU TRANH VÌ HOÀ BÌNH CỦA NHÂN DÂN THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

1. Đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh

a) Đấu tranh chống chạy đua vũ trang vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh

Trong Chiến tranh lạnh, phong trào đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới phát triển mạnh mẽ, đặc biệt từ sau Đại hội Thế giới vì hoà bình.

Đại hội Thế giới vì hoà bình được tổ chức ngày 26 – 4 – 1949 tại Pa-ri với thành phần tham dự gồm hàng nghìn chiến sĩ hoà bình khắp thế giới, đại diện cho các tầng lớp quần chúng nhân dân. Đại hội bầu ra Hội đồng Hoà bình thế giới do nhà bác học Giô-li-ô Quy-ri làm Chủ tịch. Bức tranh *Chim bồ câu* của danh hoạ Pi-cát-xô được chọn làm biểu tượng của hoà bình thế giới.



Hình 11. Hình ảnh chim bồ câu được sử dụng ở Đại hội Thế giới vì hoà bình tại Pa-ri năm 1949, tại Viên năm 1952, tại Mát-xcơ-va năm 1962

Hội đồng Hoà bình thế giới tập hợp lực lượng quần chúng, đưa ra khẩu hiệu đấu tranh nhằm bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh, chống chạy đua vũ trang, đòi giải trừ quân bị toàn diện và triệt để, trước hết là vũ khí hạt nhân, ủng hộ phong trào giải phóng của các dân tộc.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hội đồng Hoà bình thế giới, hàng trăm triệu người đã tham gia cuộc đấu tranh vì hoà bình thế giới. Bên cạnh các cuộc mít tinh, tuần hành vì hoà bình là các cuộc vận động bảo vệ hoà bình, tiêu biểu là hoạt động lấy chữ kí ủng hộ hoà bình. Lời kêu gọi hoà bình Stốc-khôm đòi cấm vũ khí nguyên tử (tháng 3 – 1950 và tháng 6 – 1975), Lời kêu gọi 5 cường quốc kí Công ước Hoà bình (tháng 2 – 1955) thu được hàng trăm triệu chữ kí.

Kết quả lớn nhất của phong trào hoà bình là góp phần quan trọng vào việc ngăn ngừa chiến tranh thế giới thứ ba, buộc các cường quốc hạt nhân phải kí một số thoả thuận về kiểm soát vũ trang hạt nhân, đồng thời ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Cùng với mục tiêu chống chiến tranh, phong trào hoà bình thế giới ủng hộ, hỗ trợ cho các cuộc đấu tranh yêu nước, chống xâm lược của nhân dân các nước châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh, tiêu biểu là phong trào ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam.

Khai thác thông tin trong mục và sưu tầm thêm tư liệu, nêu những nét chính về phong trào đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong thời kì Chiến tranh lạnh.

b) Phong trào quốc tế ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam

Phong trào quốc tế ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam bắt đầu từ thập kỉ 60, phát triển mạnh mẽ ở Mỹ và nhiều nước trên thế giới.

Ở Mỹ, từ mùa thu năm 1965, Uỷ ban phối hợp toàn quốc được thành lập và tổ chức 2 đợt đấu tranh có quy mô toàn quốc trong tháng 10 – 1965 và tháng 1 – 1966, mỗi đợt lôi cuốn hơn nửa triệu người tham gia từ hơn 100 thành phố. Cũng từ đây đã xuất hiện những cuộc tự thiêu của người dân Mỹ nhằm phản đối chiến tranh xâm lược Việt Nam.

TƯ LIỆU 6. Ngày 2 – 11 – 1965, anh N. Mô-ri-xơn đã châm lửa tự thiêu ngay trước Bộ Quốc phòng Mỹ để phản đối cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam. Trong cuốn hồi kí của mình, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Mác Na-ma-ra viết: "Cái chết của Mô-ri-xơn không chỉ là bi kịch cho gia đình anh ta mà còn cả cho tôi và nước Mỹ. Đó là một tiếng kêu gào chống lại những giết chóc đang huỷ hoại cuộc đời của những người Mỹ và người Việt".

(Theo Mác Na-ma-ra, *Nhìn lại quá khứ: Tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995)

Phong trào chống chiến tranh lôi cuốn đông đảo các tầng lớp quần chúng nhân dân tham gia, tiêu biểu là phong trào phản chiến của thanh niên Mỹ với các hình thức đấu tranh phong phú.

Theo thống kê, có hơn 200 tổ chức chống chiến tranh xâm lược ở khắp các bang của Mỹ. Nhiều hoạt động chống chiến tranh đã diễn ra như đốt thẻ quân dịch, trả lại huân chương chiến tranh, có tới 16/27 triệu thanh niên Mỹ đến tuổi quân dịch đã chống lệnh, 75 nghìn người Mỹ bỏ ra nước ngoài vì không chịu nhập ngũ và đấu tranh chống chiến tranh xâm lược, trong đó có cựu Tổng thống Mỹ Bin Cờ-lin-tơn.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam cũng được nhân dân các nước trên thế giới ủng hộ mạnh mẽ.



Hình 12. Biểu tình chống chiến tranh Việt Nam tại Oa-sinh-tơn ngày 21 – 10 – 1967

TƯ LIỆU 7. Tổng Thư kí Hội đồng Hoà bình thế giới Tha-na-si Pa-phơ-lít cho rằng: "Cuộc chiến đấu và chiến thắng của nhân dân Việt Nam đã là chất xúc tác cho phong trào hoà bình thế giới phát triển".

(Theo *Báo Nhân dân* ngày 25 – 11 – 2007)

EM CÓ BIẾT?

Tháng 10 – 1969, ca sĩ nổi tiếng Giôn Len-nân trình bày ca khúc *Hãy cho hoà bình một cơ hội* trước khoảng 500 nghìn người biểu tình phản đối chiến tranh Việt Nam ở Oa-sinh-tơn (Mỹ). Ca khúc này nhanh chóng được đón nhận và trở thành giai điệu chính trong các cuộc biểu tình phản chiến của thanh niên Mỹ chống chiến tranh Việt Nam.

Trên phạm vi quốc tế, có hơn 10 Uỷ ban quốc tế đoàn kết với Việt Nam của các tổ chức dân chủ, tôn giáo và tổ chức xã hội ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; có hơn 30 hội nghị quốc tế về Việt Nam và nhiều hội nghị quốc tế khác dành thời gian thảo luận các biện pháp ủng hộ Việt Nam.

Khai thác các tư liệu 6, 7 (tr. 37) và thông tin trong mục, nêu những nét chính của phong trào quốc tế ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Lấy dẫn chứng cụ thể.

2. Đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới sau Chiến tranh lạnh

Sau Chiến tranh lạnh, phong trào đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới tiếp tục phát triển trước những yêu cầu đặt ra trong tình hình mới.

Bên cạnh việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đấu tranh chống chiến tranh xâm lược, đòi giải quyết các cuộc tranh chấp quốc tế bằng thương lượng hoà bình, giải trừ vũ khí hạt nhân,... hàng loạt vấn đề mới đặt ra cho phong trào như: các hoạt động xoá đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường sống, chống các bệnh dịch thế kỉ, chống hậu quả tiêu cực của quá trình toàn cầu hoá, xây dựng quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc vì hoà bình, hợp tác và phát triển.

Phong trào vì hoà bình của nhân dân thế giới tập trung vào nhiệm vụ đấu tranh vì một thế giới không có vũ khí hạt nhân.

Các cuộc đấu tranh đòi giải trừ vũ khí hạt nhân thu hút hàng chục triệu người yêu chuộng hoà bình ở các nước trên thế giới tham gia. Các tổ chức quốc tế chống vũ khí hạt nhân, tiêu biểu là Tổ chức Không hạt nhân toàn cầu, gồm trên 300 nhà lãnh đạo thế giới, chuyên gia về giải trừ hạt nhân được thành lập và có những hoạt động tích cực trong cuộc đấu tranh vì mục tiêu loại bỏ vũ khí hạt nhân.

Phong trào đấu tranh vì hoà bình có những điều chỉnh nhằm thích ứng với tình hình mới.

Hoà bình ngày nay gắn liền với phát triển, không có phát triển sẽ không có hoà bình bền vững. Các cuộc đấu tranh đòi xoá nợ cho các nước nghèo, đòi giảm lượng khí thải CO_2, nhất là tại các nước có lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính lớn nhất, nhằm đối phó với thách thức về môi trường,... là những mục tiêu quan trọng của phong trào hoà bình thế giới.



Hình 13. Doàn bác sĩ Việt Nam thực hiện nhiệm vụ tại Phái bộ Gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc ở Nam Xu-đăng (2018)

EM CÓ BIẾT?

Việt Nam có đóng góp quan trọng vào lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc. Ngày 2 – 10 – 2018, 32 bác sĩ đầu tiên trong tổng số 63 cán bộ, bác sĩ Bệnh viện Dã chiến cấp 2 số 1 của Việt Nam đã bắt đầu thực hiện nhiệm vụ tại Phái bộ Gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc ở Nam Xu-đăng.

Vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc?

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Lập bảng so sánh nguyên nhân, hậu quả, tác động của Chiến tranh thế giới thứ nhất và Chiến tranh thế giới thứ hai.

2. Lựa chọn những sự kiện tiêu biểu để giải thích vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn.

3. Phong trào đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới sau Chiến tranh lạnh có điểm gì mới so với trước Chiến tranh lạnh?

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Nhân dân nước nào cũng yêu chuộng hoà bình, cũng chán ghét chiến tranh, cũng muốn sống tự do độc lập".

Em hãy lựa chọn một số sự kiện tiêu biểu trong cuộc đấu tranh vì hoà bình giữa hai cuộc chiến tranh thế giới để chứng minh nhận định trên.

2. Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, viết một bài (khoảng 300 chữ) về phong trào nhân dân thế giới ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam.

CHUYÊN ĐỀ

3 DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Học xong chuyên đề này, em sẽ:

- Giải thích được khái niệm danh nhân.
- Nêu được nét chính về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ – trung đại; một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân văn hoá, khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo trong lịch sử Việt Nam.
- Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ – trung đại; danh nhân văn hoá, khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo trong lịch sử Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể.
- Đánh giá được vai trò của danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam.
- Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân trong lịch sử dân tộc.

Bài kí do Thân Nhân Trung soạn khắc trên tấm bia Tiến sĩ đầu tiên dựng năm 1484 tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám có câu: "Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thì đất nước mạnh và càng lớn lao, nguyên khí suy thì thế nước yếu mà càng xuống thấp…". Đoạn trích trên gợi cho em suy nghĩ gì về vai trò của những bậc hiền tài trong lịch sử dân tộc? Hãy chia sẻ hiểu biết của em về một số người tài nổi tiếng, có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.



Hình 1. Bia Tiến sĩ dựng tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)

I. KHÁI QUÁT VỀ DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC

1. Khái niệm danh nhân

Danh nhân là những người kiệt xuất, có nhân cách, tài năng và nổi tiếng trong lịch sử. Họ có những đóng góp quan trọng đối với dân tộc và nhân loại nên được cộng đồng thừa nhận và kính trọng.

Xét theo lĩnh vực hoạt động, danh nhân bao gồm: danh nhân văn hoá, danh nhân khoa học công nghệ, danh nhân quân sự, danh nhân giáo dục – đào tạo,… Xét theo phạm vi ảnh hưởng, danh nhân bao gồm: danh nhân của quốc gia, danh nhân của thế giới,...

Danh nhân được tôn vinh dưới nhiều hình thức khác nhau như thờ phụng, tổ chức lễ hội tưởng niệm, tạc tượng,… Những việc làm đó thể hiện sự trân trọng, biết ơn đối với công lao của các danh nhân, để hậu thế noi gương, kế tục và phát triển các thành tựu mà họ đã tạo ra.

EM CÓ BIẾT ?

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) dùng thuật ngữ danh nhân thế giới (great personalities) để chỉ nhân vật nổi tiếng, kiệt xuất góp phần xây dựng nền văn minh nhân loại. Kể từ năm 1954, hằng năm UNESCO đã công bố lịch kỉ niệm ngày sinh của các danh nhân trong lịch sử giáo dục, khoa học và văn hoá do các nước thành viên Liên hợp quốc đề cử.

Em hãy giải thích khái niệm danh nhân. Kể tên một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam mà em biết.

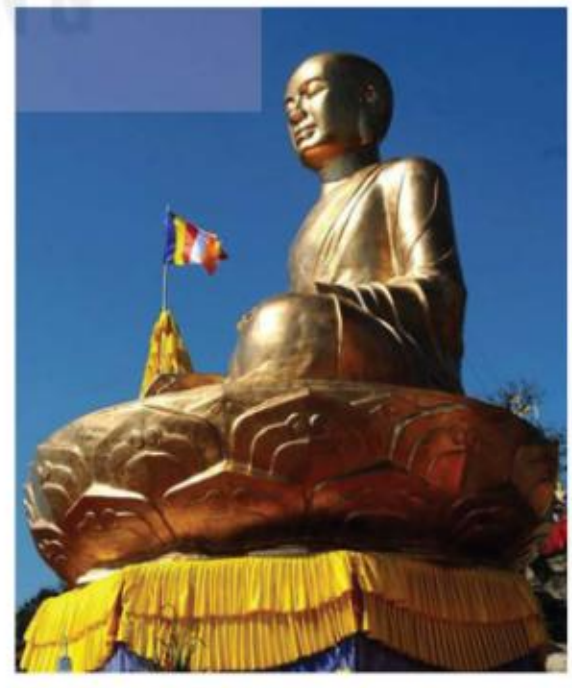
2. Vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc

Trong suốt chiều dài lịch sử, danh nhân có vai trò quan trọng trong sự nghiệp giành và giữ độc lập dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước.

Danh nhân là người giữ vị trí lãnh đạo, chỉ huy, lập nhiều chiến công hiển hách trong các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm. Họ có thể là những nhà chính trị, tướng lĩnh, nhà ngoại giao,… đóng góp trí tuệ, công sức cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc như: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Quang Trung – Nguyễn Huệ,…

Danh nhân có những đóng góp đối với sự nghiệp xây dựng đất nước (bộ máy nhà nước, phát triển kinh tế – xã hội,...) qua các giai đoạn lịch sử. Họ là những vị minh quân, quan lại tài đức thời kì quân chủ, hoặc là những nhà chính trị, quân sự, văn hoá,... thời kì hiện đại.

Các vị vua như Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn đã bước đầu xây dựng bộ máy nhà nước quân chủ để củng cố nền độc lập, tự chủ của quốc gia. Lý Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Lê Thánh Tông,... đã đưa chế độ quân chủ tới những giai đoạn phát triển thịnh trị.



Hình 2. Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông (Quảng Ninh)

Danh nhân còn góp phần cho sự phát triển của nền văn hoá, tri thức dân tộc. Họ là tác giả của những tác phẩm văn học, sử học, triết học, nghệ thuật, phương pháp chữa bệnh,... có giá trị nhân văn sâu sắc; đồng thời có tác động, ảnh hưởng lớn tới đời sống của nhân dân được ghi nhận trong lịch sử.

Nhiều công trình văn hoá, nghệ thuật được sáng tạo bởi các danh nhân và còn được lưu giữ đến ngày nay như bộ *Hải Thượng y tông tâm lĩnh* viết về các cách chữa bệnh nội khoa và ngoại khoa, đạo đức y học, vệ sinh phòng bệnh,... của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1724 – 1791). Đây được coi là bộ Bách khoa toàn thư của nền y học cổ truyền Việt Nam.



Hình 3. Một ván khắc trong mộc bản *Hải Thượng y tông tâm lĩnh* (lưu giữ tại Bảo tàng Bắc Ninh)

1. Nêu vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc.

2. Lựa chọn một danh nhân mà em biết và nêu vai trò của họ đối với lịch sử.

II. MỘT SỐ NHÀ CHÍNH TRỊ NỔI TIẾNG CỦA VIỆT NAM THỜI CỔ – TRUNG ĐẠI

1. Đinh Bộ Lĩnh



Hình 4. Tượng đài Đinh Tiên Hoàng (tỉnh Ninh Bình)

Đinh Bộ Lĩnh (924 – 979) là người có công lao chấm dứt tình trạng cát cứ, thống nhất đất nước và lập ra Nhà nước Đại Cồ Việt.

Đinh Bộ Lĩnh quê ở làng Đại Hữu, châu Đại Hoàng (nay là xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình). Ông sớm tỏ ra là người thông minh, có khí phách và tài thao lược.

Trong bối cảnh đất nước bị chia cắt sau khi chính quyền nhà Ngô suy yếu, Đinh Bộ Lĩnh đã thực hiện công cuộc thống nhất và ổn định đất nước. Bằng những phương pháp quân sự, vận động và liên kết, ông đã lần lượt thu phục các sứ quân, chấm dứt tình trạng cát cứ. Năm 968, ông lên ngôi hoàng đế, đặt quốc hiệu nước ta là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư (tỉnh Ninh Bình) và trị vì đất nước từ năm 968 đến năm 979.

Với tầm nhìn của nhà quân sự, Đinh Bộ Lĩnh tận dụng địa thế tự nhiên ở Hoa Lư để xây dựng một hệ thống thành luỹ kiên cố và quy mô nhất của đất nước sau hơn một nghìn năm Bắc thuộc.

Đinh Bộ Lĩnh ổn định tình hình đất nước sau một thời gian hỗn loạn, tổ chức bộ máy chính quyền của nhà nước độc lập và thiết lập quan hệ bang giao với các nước láng giềng.

TƯ LIỆU 1. "Tiên Hoàng nhờ có tài năng sáng suốt hơn người, dũng cảm mưu lược nhất đời, đương lúc nước Việt ta không có chủ, các hùng trưởng cát cứ,... Vua mở nước dựng đô, đổi xưng hoàng đế, đặt trăm quan, lập sáu quân, chế độ gần đầy đủ".

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, NXB Khoa học xã hội, 1998, tr. 59)

Đinh Bộ Lĩnh chia nước thành 10 đạo. Hệ thống chính quyền địa phương gồm các cấp: đạo, phủ, châu, giáp, xã. Vua cho đặt vạc dầu lớn ở sân triều để trừng phạt kẻ có tội.

Đinh Bộ Lĩnh đặc biệt coi trọng việc tổ chức quân đội, cho xây dựng cấm quân trực tiếp bảo vệ kinh đô.

Trong lĩnh vực kinh tế, vua cho đúc đồng tiền *Thái Bình hưng bảo* và thực hiện một số chính sách phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp.



Hình 5. Đồng tiền *Thái Bình hưng bảo*

1. Em hãy giới thiệu thân thế và sự nghiệp của Đinh Bộ Lĩnh.
2. Khai thác Tư liệu 1 và thông tin trong mục, nêu nhận xét của em về những đóng góp của Đinh Bộ Lĩnh đối với lịch sử dân tộc.

2. Lê Thánh Tông

Lê Thánh Tông (1442 – 1497) là vị vua đã thực hiện cuộc cải cách đất nước toàn diện, đưa quốc gia Đại Việt phát triển thịnh trị trong thế kỉ XV.

Ông tên huý là Lê Tư Thành, là con của vua Lê Thái Tông. Sau khi lên ngôi năm 1460, Lê Thánh Tông đã thực hiện nhiều chính sách cải cách nhằm củng cố chế độ quân chủ tập quyền, thúc đẩy sự phát triển của đất nước,...

Về chính trị, Lê Thánh Tông hoàn thiện bộ máy hành chính, chia cả nước thành 12 đạo và phủ Trung Đô (năm 1471 lập thêm đạo thứ 13), sắp xếp hệ thống quan lại, hoàn thiện luật pháp, cho vẽ bản đồ cả nước gọi là *Hồng Đức bản đồ*.

Để đề cao vai trò của pháp luật trong trị nước, bộ *Quốc triều hình luật* được hoàn thiện và ban hành gồm 13 chương, 722 điều với những nội dung thuộc nhiều lĩnh vực như hành chính, hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình, tố tụng,...

Về kinh tế, Lê Thánh Tông tích cực thực hiện mở rộng diện tích đất canh tác và củng cố kinh tế nông nghiệp.

EM CÓ BIẾT ?

Nhà bác học Phan Huy Chú (Triều Nguyễn) đã đánh giá về bộ *Quốc triều hình luật* như sau: "Thật là cái mẫu mực để trị nước, cái khuôn phép để buộc dân".



Hình 6. Bìa sách *Quốc triều hình luật* ▸

Lê Thánh Tông có công lao đối với sự phát triển nền văn hoá và giáo dục của đất nước. Khoa cử trở thành phương thức chủ yếu để tuyển chọn nhân tài cho bộ máy nhà nước và được tổ chức thường xuyên với quy định rõ ràng. Hội Tao Đàn được sáng lập để vừa sáng tác vừa bình luận văn thơ. Nhiều công trình sử học và văn thơ lớn được biên soạn như *Đại Việt sử ký toàn thư, Thiên Nam dư hạ tập, Hồng Đức quốc âm thi tập,...*

KẾT NỐI VỚI NGÀY NAY

Trong Văn Miếu – Quốc Tử Giám ngày nay, tượng vua Lê Thánh Tông được đặt tại tầng hai của nhà Hậu Đường thuộc khu Thái Học, cùng với tượng vua Lý Thánh Tông và Lý Nhân Tông để tri ân những vị vua có công sáng lập, đồng thời tôn vinh truyền thống hiếu học của dân tộc.



Hình 7. Tượng Lê Thánh Tông tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)

Trong mối quan hệ bang giao với Trung Quốc, Lê Thánh Tông duy trì chính sách mềm dẻo nhưng kiên quyết.

TƯ LIỆU 2. Trong sắc dụ của vua Lê Thánh Tông gửi Thái bảo Lê Cảnh Huy năm 1473 có viết: "Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ. Ngươi phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần. Nếu ngươi dám đem một thước, một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di".

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Sđd, tr. 462)

Lê Thánh Tông cũng quan tâm xây dựng quân đội hùng mạnh, tăng cường an ninh và đặc biệt là phòng thủ khu vực biên giới.

1. Sưu tầm tư liệu và khai thác thông tin trong mục, giới thiệu thân thế, sự nghiệp của vua Lê Thánh Tông.
2. Khai thác Tư liệu 2 và thông tin trong mục, nêu nhận xét của em về những đóng góp chính của vua Lê Thánh Tông đối với lịch sử dân tộc.

III. MỘT SỐ DANH NHÂN QUÂN SỰ VIỆT NAM

1. Trần Quốc Tuấn

Trần Quốc Tuấn (? – 1300) là nhà quân sự kiệt xuất của dân tộc, đã thống lĩnh quân đội nhà Trần giành thắng lợi vẻ vang trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.

Trần Quốc Tuấn là con của An Sinh Vương Trần Liễu, cháu của vua Trần Thái Tông. Ông sớm bộc lộ là người thông minh xuất chúng, ham thích đọc sách và luyện tập võ nghệ.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285 và 1287 – 1288, ông được cử giữ chức Quốc công tiết chế, thống lĩnh quân đội Đại Việt. Trên cương vị này, ông đã trực tiếp đốc thúc vương hầu, tôn thất, điều động binh lính, chuẩn bị kháng chiến; giao cho các tướng trấn giữ ở những khu vực trọng yếu,... Khi quân giặc với sức mạnh như vũ bão tiến vào Đại Việt, ông cùng bộ tham mưu của quân đội nhà Trần định ra kế sách, chiến lược cho toàn bộ cuộc kháng chiến.



Hình 8. Tượng đài Quốc công tiết chế Trần Quốc Tuấn (tỉnh Ninh Bình)

TƯ LIỆU 3. Năm 1285, khi quân Nguyên tiến đánh vào kinh thành Thăng Long, vua Trần lo ngại hỏi Trần Quốc Tuấn, ông khảng khái thưa: "Nếu bệ hạ muốn hàng, trước hết xin hãy chém đầu thần…".

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Sđd, tr. 81)

Khi đối mặt với thế giặc mạnh, Trần Quốc Tuấn chỉ huy quân dân Đại Việt thực hiện kế sách "vườn không, nhà trống", chỉ để lại một lực lượng nhỏ phối hợp cùng nhân dân đánh tỉa nhằm làm giảm tốc độ tiến quân của quân giặc. Khi quân Nguyên lâm vào tình thế khó khăn, ông tổ chức phản công đánh bại hàng vạn quân giặc.

Năm 1288, Trần Quốc Tuấn đã tổ chức trận quyết chiến chiến lược trên sông Bạch Đằng. Chiến thắng này đã buộc nhà Nguyên phải từ bỏ ý đồ xâm lược Đại Việt.

EM CÓ BIẾT ?

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 – 1288, khi quân xâm phạm ải Phú Lương (tỉnh Lạng Sơn), vua Trần hỏi: "Giặc tới, liệu tình hình thế nào" thì ông khẳng định: "Năm nay đánh giặc nhàn".



Hình 9. Hào khí Đông A (tranh sơn mài của Nguyễn Trường Linh)

Trong cuộc kháng chiến, ông đặc biệt chú ý tới việc đoàn kết tôn thất nhà Trần và quân dân Đại Việt nhằm xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc.

TƯ LIỆU 4. Khi Trần Quốc Tuấn ốm, vua tới nhà thăm và hỏi: "Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào?". Trần Quốc Tuấn trả lời: "… Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hoà mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt. Vả lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy".

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Sdd, tr. 79)

Không chỉ là một danh tướng, Trần Quốc Tuấn còn là một nhà lí luận quân sự xuất sắc. Ông đã biên soạn hai bộ sách là *Binh thư yếu lược* và *Vạn Kiếp tông bí truyền thư*, trong đó đúc kết các kế sách, binh pháp đánh trận cho quân đội.

Năm 1289, ông được vua Trần phong là Hưng Đạo Đại vương. Nhân dân tôn vinh ông là Đức Thánh Trần và lập đền thờ ở nhiều nơi.

1. Khai thác các tư liệu 3, 4 và thông tin trong mục, trình bày thân thế, sự nghiệp của Trần Quốc Tuấn. Từ đó, nêu đánh giá của em về vai trò của ông đối với lịch sử dân tộc.
2. Em hãy kể tên các địa phương có xây dựng đền thờ hoặc tổ chức lễ hội tôn vinh Trần Quốc Tuấn mà em biết.

2. Võ Nguyên Giáp

Võ Nguyên Giáp (1911 – 2013) là vị Đại tướng đầu tiên và là Tổng Tư lệnh của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Võ Nguyên Giáp sinh ra trong một gia đình nhà nho có truyền thống yêu nước, ở làng An Xá (nay thuộc xã Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Trị). Ông tích cực tham gia phong trào yêu nước chống Pháp từ khi còn là học sinh.



Hình 10. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (ảnh chụp năm 1954)

TƯ LIỆU 5. "Ông Giáp đã tỏ rõ những đức tính xuất chúng trong tất cả mọi lĩnh vực lớn nhất của chiến tranh. Về chiến lược, ông đã có một tầm quan sát sâu sắc các sự kiện và đã khoanh vùng những vấn đề chủ yếu; ông đã làm lung lay đối phương bằng việc sử dụng sáng suốt những lực lượng từ nhiều điểm… Về chiến thuật, ông Giáp là bậc thầy trong nghệ thuật chiến tranh du kích; về mặt này, ông là người chỉ huy vĩ đại nhất của mọi thời đại."

(P. Mác-đô-nan, *Tướng Giáp qua hai cuộc chiến tranh Đông Dương*, Nguyễn Viết Quyền, Nguyễn Đình Cao dịch, NXB Quân đội Nhân dân, 2004, tr. 380)

Ông có công lao lớn trong tổ chức và phát triển lực lượng quân đội chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và nền quốc phòng vững mạnh nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước trong từng giai đoạn lịch sử.

Tháng 12 – 1944, ông được giao nhiệm vụ thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân – tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam hiện nay. Ông cũng đề xuất và tổ chức xây dựng Quân chủng Phòng không – Không quân, Quân chủng Hải quân, Binh chủng Đặc công, đường Hồ Chí Minh trên bộ và đường Hồ Chí Minh trên biển,...

EM CÓ BIẾT ?

Năm 1940, Võ Nguyên Giáp gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, ông được cử giữ các chức vụ quan trọng như: Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,... Năm 1948, ông là vị chỉ huy đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam được phong quân hàm Đại tướng khi mới 37 tuổi.

Đại tướng đã trực tiếp chỉ huy nhiều chiến dịch lớn, quan trọng có ảnh hưởng quyết định tới kết quả của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cứu nước, đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 và cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975. Nhiều sáng kiến quan trọng về nghệ thuật chiến dịch, phương thức tác chiến, cách đánh,… đã được ông đề xuất và triển khai để phát huy sức mạnh của quân đội trên chiến trường.

TƯ LIỆU 6. Khi chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nói về quyết định khó nhất trong cuộc đời cầm quân của mình như sau: "Tôi nhận thấy phải cho các đơn vị rút khỏi trận địa để nghiên cứu một cách đánh khác dù bộ đội có thắc mắc. Phải chuyển từ phương án đánh nhanh thắng nhanh sang phương án đánh chắc tiến chắc".

(Theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Điện Biên Phủ – điểm hẹn lịch sử* in lại trong *Tổng tập hồi kí*, NXB Quân đội Nhân dân, 2006, tr. 925)



Hình 11. Bộ chỉ huy Chiến dịch Điện Biên Phủ bàn kế hoạch tác chiến dưới sự chỉ đạo của Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975, ông cùng Bộ Tổng Tư lệnh đã xây dựng thế trận, bố trí lực lượng và chỉ huy các mũi tiến công trên toàn chiến trường miền Nam với phương châm "thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng" để đảm bảo phá vỡ lực lượng địch trong thời gian ngắn.

EM CÓ BIẾT ?

Stan-li Các-nao – nhà báo, nhà sử học Mỹ, tác giả của *Việt Nam – Thiên lịch sử truyền hình* từng đánh giá: "Sau Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp là nhân vật quan trọng nhất trong lịch sử Việt Nam thế kỉ XX. Ông là một vị tướng tự học, và chìa khoá của tài chỉ huy quân sự của ông là chiến lược kiên trì, bền bỉ tuyệt đối".

Đại tướng còn có nhiều đóng góp cho sự phát triển của khoa học quân sự Việt Nam. Các công trình lịch sử và lí luận quân sự nổi bật của ông như: *Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, Từ nhân dân mà ra, Điện Biên Phủ – điểm hẹn lịch sử, Tổng hành dinh trong mùa Xuân đại thắng,…* đã tổng kết và phát triển những nội dung cơ bản về đường lối chiến tranh nhân dân.

1. Giới thiệu thân thế và sự nghiệp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.
2. Khai thác các tư liệu 5, 6 và thông tin trong mục, nêu đánh giá của em về những đóng góp chính của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đối với lịch sử dân tộc.

IV. MỘT SỐ DANH NHÂN VĂN HOÁ VIỆT NAM

1. Nguyễn Trãi



Hình 12. Chân dung Nguyễn Trãi (tranh vẽ)

Nguyễn Trãi (1380 – 1442) là một nhà chính trị, quân sự, văn hoá lỗi lạc của dân tộc.

Nguyễn Trãi hiệu là Ức Trai, quê ở xã Thường Tín (thành phố Hà Nội). Ông là con của Nguyễn Phi Khanh, cháu của quan Tư đồ Trần Nguyên Đán. Năm 1400, Nguyễn Trãi thi đỗ Thái học sinh và ra làm quan dưới Triều Hồ.

Nguyễn Trãi có nhiều đóng góp lớn trong thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn, xây dựng Vương triều Lê sơ, khôi phục đất nước và nền văn hoá của dân tộc.

Trong khởi nghĩa Lam Sơn, Nguyễn Trãi trực tiếp tham mưu cho Lê Lợi nhiều kế sách đánh giặc, đặc biệt là kế "tâm công" (đánh vào lòng người) để tập hợp lực lượng và phân hoá kẻ thù. Lê Lợi cũng giao cho ông soạn thảo thư từ giao thiệp với quân Minh.

Những bức thư của Nguyễn Trãi "có sức mạnh như mười vạn quân" đã giúp nghĩa quân Lam Sơn hạ được nhiều thành như Đông Quan, Nghệ An,... mà không gây tổn thất lớn cho nghĩa quân. Trong giai đoạn cuối của cuộc khởi nghĩa, mặc dù nghĩa quân đang ở thế thắng nhưng ông vẫn khuyên Lê Lợi chủ động nghị hoà để bảo toàn lực lượng và giữ gìn mối quan hệ bang giao với nhà Minh về sau.

Sau khi Vương triều Lê sơ được thành lập, Nguyễn Trãi được cử giữ nhiều chức vụ quan trọng trong triều đình.

Là nhà văn hoá lớn của dân tộc với khối lượng trước tác khá đồ sộ, có giá trị và ý nghĩa, Nguyễn Trãi được tổ chức UNESCO vinh danh nhân dịp kỉ niệm 600 năm ngày sinh vào năm 1980.

Các tác phẩm văn thơ tiêu biểu của Nguyễn Trãi gồm có: *Quân trung từ mệnh tập, Bình Ngô đại cáo, Ức Trai thi tập, Quốc âm thi tập,...* Trong đó, tập thơ *Quốc âm thi tập* được coi là tác phẩm đặt nền móng cho văn học chữ Nôm của Việt Nam. Ông cũng để lại nhiều tác phẩm lịch sử – địa lí có giá trị như: *Lam Sơn thực lục, Bài văn bia Vĩnh Lăng, Dư địa chí,...*



Hình 13. Bìa tác phẩm *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi

Các tác phẩm văn thơ, nghệ thuật của Nguyễn Trãi thể hiện đậm nét tư tưởng trung hiếu, yêu nước, nhân nghĩa và ý thức dân tộc.

TƯ LIỆU 7. Khi tham gia biên soạn lễ nhạc, Nguyễn Trãi đã tâu với vua Lê Thái Tông: "Hoà bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc… Xin bệ hạ yêu nuôi muôn dân, để chốn xóm thôn không còn tiếng oán hận buồn than, như thế mới không mất cái gốc của nhạc".

(Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Sdd, tr. 336)

EM CÓ BIẾT ?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đánh giá: "Nguyễn Trãi là khí phách, là tinh hoa của dân tộc. Sự nghiệp và tác phẩm của Nguyễn Trãi là một bài ca yêu nước và tự hào dân tộc".

1. Hãy giới thiệu những nét chính về thân thế, sự nghiệp của Nguyễn Trãi.
2. Khai thác Tư liệu 7 và thông tin trong mục, giải thích vì sao Nguyễn Trãi được đánh giá là nhà văn hoá lớn của dân tộc Việt Nam.

2. Nguyễn Du

Nguyễn Du (1765 – 1820) là đại thi hào của dân tộc với nhiều tác phẩm văn thơ mang đậm chủ nghĩa nhân văn.

Nguyễn Du tên chữ là Tố Như, quê ở làng Tiên Điền (nay thuộc xã Tiên Điền, tỉnh Hà Tĩnh). Ông sinh ra tại kinh đô Thăng Long (thành phố Hà Nội ngày nay) trong một gia đình quý tộc có truyền thống khoa bảng, nhiều đời làm quan.

Sau khi thi đậu Tam trường, Nguyễn Du từng giữ nhiều chức quan dưới Triều vua Lê – chúa Trịnh và Triều Nguyễn.

Trong bối cảnh tình hình đất nước rối ren, sự nghiệp làm quan của Nguyễn Du gặp nhiều trắc trở, ông nhiều lần dâng biểu xin nghỉ hoặc từ chức.



Hình 14. Tượng Đại thi hào Nguyễn Du (tỉnh Hà Tĩnh)

Nguyễn Du để lại cho hậu thế nhiều tác phẩm văn chương viết bằng cả chữ Hán và chữ Nôm. Các tác phẩm của ông đều phản ánh thực trạng suy đồi của xã hội phong kiến đương thời và thể hiện sự cảm thông, chia sẻ đối với thân phận khổ cực của người dân.

Trong các tác phẩm chữ Nôm, *Truyện Kiều* là tác phẩm nổi tiếng nhất. Đây là truyện thơ gồm 3 254 câu lục bát kể về cuộc đời 15 năm lưu lạc, chìm nổi của Thuý Kiều, người con gái tài sắc vẹn toàn nhưng thân phận bị nhiều thế lực trong xã hội chà đạp.

EM CÓ BIẾT ?

Truyện Kiều đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới như Anh, Pháp, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc,... góp phần ghi dấu ấn văn học Việt Nam trên thi đàn quốc tế và trở thành một phần tinh hoa của văn hoá nhân loại.

Về chữ Hán, ông để lại *Thanh Hiên thi tập* gồm 78 bài, viết chủ yếu trong thời gian trước khi làm quan Triều Nguyễn; *Nam trung tạp ngâm* gồm 40 bài thơ, viết chủ yếu khi làm quan ở Huế, Quảng Bình (thuộc tỉnh Quảng Trị hiện nay) và những địa phương ở phía nam Hà Tĩnh; *Bắc hành tạp lục* gồm 132 bài thơ được viết trong chuyến đi sứ sang Trung Quốc.

TƯ LIỆU 8. "Trong lịch sử ngôn ngữ và lịch sử văn học Việt Nam, nếu Nguyễn Trãi với *Quốc âm thi tập* là người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học dân tộc thì Nguyễn Du với *Truyện Kiều* lại là người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học hiện đại của nước ta…".

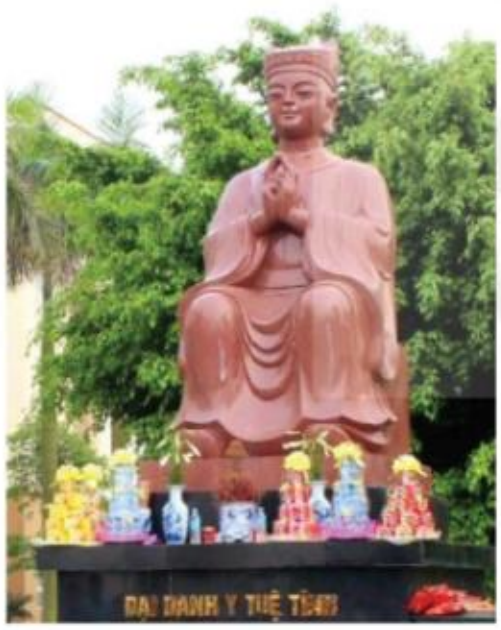
(Đào Duy Anh, *Lời tựa Từ điển Truyện Kiều*, xuất bản năm 1974, NXB Văn hoá Thông tin, 2000, tr. 5)

Nguyễn Du được Hội đồng Hoà bình thế giới, tổ chức UNESCO vinh danh nhân dịp kỉ niệm 200 năm và 250 năm ngày sinh của ông (vào năm 1965 và 2015).

Khai thác Tư liệu 8 và thông tin trong mục, trình bày những đóng góp chính của Nguyễn Du đối với nền văn học Việt Nam. Từ đó, em có nhận xét gì?

V. MỘT SỐ DANH NHÂN TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO

1. Tuệ Tĩnh



Hình 15. Tượng đại danh y Tuệ Tĩnh

Tuệ Tĩnh là đại danh y thời Trần, người đặt nền móng cho nền y học cổ truyền Việt Nam.

Tuệ Tĩnh tên thật là Nguyễn Bá Tĩnh, sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo tại làng Nghĩa Phú (nay thuộc xã Tuệ Tĩnh, thành phố Hải Phòng).

Tuệ Tĩnh thi đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ (tức Hoàng giáp), nhưng không ra làm quan mà đi tu tại chùa và lấy pháp danh là Tuệ Tĩnh. Ông chuyên tâm nghiên cứu y học cổ truyền, làm thuốc chữa bệnh cứu người, sưu tầm kinh nghiệm chữa bệnh cũng như truyền nghề cho các học trò. Ông đã khảo cứu, tập hợp được khoảng 200 chứng bệnh với gần 4 000 phương thuốc chữa trị. Ông cũng phê phán tư tưởng mê tín dị đoan của những người chỉ tin vào bùa chú mà không tin vào thuốc chữa bệnh. Ông đặc biệt quan tâm tới phòng bệnh bằng việc rèn luyện thân thể và sinh hoạt điều độ.

Những bài thuốc của ông được tập hợp, ghi chép lại trong các bộ sách giá trị như *Nam dược thần hiệu*, *Hồng Nghĩa giác tư y thư*,…

Tuệ Tĩnh còn tổ chức cơ sở chữa bệnh trong nhà chùa và đồng thời dạy cách chữa bệnh cho các tăng ni để mở rộng việc chữa bệnh làm phúc. Với phương châm "Nam dược trị Nam nhân" (thuốc nam dùng chữa bệnh cho người Nam), ông đã dạy nhân dân cách trồng cây thuốc nam để tự chữa bệnh. Đồng thời, ông cũng hướng dẫn các cách chăm sóc sức khoẻ, phương pháp vệ sinh phòng tránh bệnh tật.

Tuệ Tĩnh còn tập hợp những bài thuốc chữa bệnh cho gia súc, góp phần đặt cơ sở cho ngành thú y Việt Nam.

EM CÓ BIẾT ?

Sử sách ghi lại rằng, Tuệ Tĩnh đã bị đưa đi cống cho Triều đình nhà Minh. Nhờ tài năng của mình, ông được vua Minh phong là Đại y Thiền sư. Sau đó, ông qua đời tại Giang Nam, Trung Quốc.

Theo em, vì sao Tuệ Tĩnh được coi là "ông Tổ" của nghề thuốc nam?

2. Lê Quý Đôn

Lê Quý Đôn (1726 – 1784) là nhà bác học có nhiều đóng góp to lớn trên các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và khoa học của Việt Nam.

Lê Quý Đôn quê ở làng Diên Hà (nay thuộc xã Lê Quý Đôn, tỉnh Hưng Yên), là con Tiến sĩ Lê Phú Thứ, một danh thần của Triều vua Lê – chúa Trịnh. Từ nhỏ, ông nổi tiếng thông minh, trí nhớ tốt, lại rất chăm chỉ học hành.



Hình 16. Tượng nhà bác học Lê Quý Đôn (tỉnh Hưng Yên)

Năm 14 tuổi, Lê Quý Đôn đã học xong toàn bộ sách kinh, sử của Nho gia. Ông từng đỗ đầu ba kì thi Hương, thi Hội và thi Đình.

Sau khi đỗ đạt, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng của Triều Lê – Trịnh, từng được cử làm Phó sứ trong phái đoàn sứ thần sang nhà Thanh năm 1760. Khi làm quan, ông nhiều lần dâng sớ xin triều đình nghiêm trị tình trạng quan lại tham nhũng, lạm dụng quyền hành ức hiếp dân chúng.

Ông có đóng góp lớn trong quan hệ bang giao giữa Đại Việt với các nước láng giềng. Trong chuyến đi sứ Trung Quốc (1760 – 1762), các sứ thần Triều Tiên và quan lại nhà Thanh rất khâm phục, khen ngợi tài văn chương, ứng đáp thông minh của Lê Quý Đôn.

Lê Quý Đôn là người thầy uyên bác của nhiều thế hệ học trò. Ông từng phụ trách các kì thi Hội, thi Đình; chăm lo tuyển dụng nhân tài cho triều đình.

Đóng góp lớn của Lê Quý Đôn cho nền văn hoá và khoa học dân tộc là đã dày công biên soạn nhiều tác phẩm thuộc các lĩnh vực lịch sử, địa lí, văn học,... Các tác phẩm của ông là kết tinh của quá trình tìm hiểu và ghi chép tỉ mỉ trong suốt cuộc đời làm quan.

Về sử học, ông biên soạn *Đại Việt thông sử, Phủ biên tạp lục, Kiến văn tiểu lục*,... Về triết học, có *Dịch Kinh phu thuyết, Xuân thu lược luận, Quần thư khảo biện*; về sáng tác văn học có *Hoàng Việt văn hải, Quế đường thi tập*; về khoa học có *Vân đài loại ngữ*.

EM CÓ BIẾT ?

Phan Huy Chú nhận xét về Lê Quý Đôn: "Ông tư chất khác đời, thông minh hơn người mà giữ tính nết thuần hậu, lại chăm học không biết mệt mỏi. Tuy đỗ đạt vinh hiển, tay vẫn không rời quyển sách. Bình sinh rất chăm chỉ làm sách. Bàn về kinh sử thì sâu sắc rộng rãi, mà nói về điển cố thì đầy đủ rõ ràng. Cái sở trường của ông vượt hơn cả, nổi tiếng trên đời".

Phủ biên tạp lục là bộ sách được biên soạn trong thời gian ông làm quan ở Thuận Hoá. Đây là tài liệu cổ mô tả về quá trình xác lập và thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các nhà nước phong kiến Việt Nam.

Lê Quý Đôn không chỉ nổi tiếng về trí tuệ mà còn là tấm gương lao động cần cù và miệt mài. Để biên soạn các bộ sách, ông đã khảo cứu một khối lượng tài liệu đồ sộ.

Để biên soạn bộ *Vân đài loại ngữ*, ông đã tham khảo hơn 500 tập sách, trong đó có nhiều sách của châu Âu dịch sang chữ Hán mà ông đọc trong thời gian đi sứ ở Trung Quốc. Nội dung của bộ *Vân đài loại ngữ* cho thấy ông là một trong những người Việt Nam đầu tiên biết đến lí thuyết Trái Đất tròn với 4 châu lục là châu Á, châu Âu, châu Phi và châu Mỹ; các nền văn minh khác nhau trên thế giới ngoài Trung Hoa,...

1. Vì sao các nhà sử học đánh giá Lê Quý Đôn là nhà bác học lớn của Việt Nam trong thế kỉ XVIII?
2. Nêu nhận xét của em về những đóng góp chính của Lê Quý Đôn đối với lịch sử khoa học, văn hoá – giáo dục của dân tộc.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Theo em, vì sao khi giảng dạy và học tập lịch sử cần tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp và những đóng góp chính của các danh nhân?

2. Sử dụng tư liệu về các danh nhân đã học ở trong bài, lập bảng tóm tắt những đóng góp của họ đối với lịch sử dân tộc.

1. Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet để xây dựng bài giới thiệu (khoảng 300 chữ) về một danh nhân mà em ấn tượng nhất.

2. Tìm hiểu các hoạt động tôn vinh một số danh nhân tiêu biểu ở địa phương em sống (tỉnh/thành phố) và chia sẻ với bạn.

BẢNG TRA CỨU KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ

H

Hệ thống Véc-xai – Oa-sinh-tơn (22): hệ thống tổ chức và phân chia lại thế giới giữa các nước đế quốc thắng trận và bại trận sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) dựa trên nền tảng những hoà ước đã kí ở Hội nghị hoà bình Véc-xai (1919 – 1920) và những hiệp ước đã kí ở Hội nghị Oa-sinh-tơn (1921 – 1922).

Hiệp ước Muy-ních (23): bản hiệp ước được kí kết tại Muy-ních giữa 4 cường quốc: Anh, Pháp, Đức và I-ta-li-a.

Hiệp ước chung về từ bỏ chiến tranh (25): là một thoả thuận quốc tế được kí năm 1928, trong đó các quốc gia kí kết hiệp ước cam kết sẽ không sử dụng chiến tranh để giải quyết "tranh chấp hoặc xung đột về bất cứ điều gì bản chất hoặc bất cứ nguồn gốc nào có thể, mà phát sinh giữa các quốc gia này".

Học thuyết Tơ-ru-man (29): học thuyết của chính quyền Mỹ đề ra dưới thời Tổng thống Tơ-ru-man nhằm củng cố các chính quyền phản động, đẩy lùi phong trào đấu tranh yêu nước ở Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ, biến hai nước này thành căn cứ tiền phương chống Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân Đông Âu.

Hội Quốc liên (23): là một tổ chức quốc tế được thành lập sau Chiến tranh thế giới thứ nhất tại Hội nghị Hoà bình Pa-ri năm 1919. Mục đích của Hội bao gồm giải giáp vũ trang, ngăn ngừa chiến tranh thông qua an ninh tập thể, giải quyết tranh chấp giữa các nước thông qua đối thoại và ngoại giao, cải thiện sự thịnh vượng toàn cầu.

Hội đồng Hoà bình thế giới (36): cơ quan lãnh đạo phong trào hoà bình thế giới.

K

Kế hoạch Mác-san (29): là một sáng kiến của Mỹ được ban hành vào năm 1948 nhằm cung cấp viện trợ nước ngoài cho Tây Âu sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

L

Linh vật (8): vật linh thiêng, có thể là sinh vật huyền thoại hoặc con vật có thật nhưng được linh hóa, nhằm biểu trưng cho sự may mắn hoặc một niềm tin tâm linh nào đó.

Lam Kinh (10): kinh đô thứ hai của Triều Lê sơ, sau Thăng Long, được xây dựng tại Lam Sơn (tỉnh Thanh Hoá), quê hương của Lê Lợi.

N

Nhã nhạc cung đình (18): là một loại hình âm nhạc bao gồm các loại nhạc nghi thức và tế lễ được dùng trong cung đình.

P

Phát xít (20): hình thức chuyên chính của bọn tư sản, đế quốc phản động nhất, hiếu chiến nhất, chủ trương thủ tiêu mọi quyền tự do cơ bản của con người, khủng bố tàn bạo nhân dân, gây chiến tranh xâm lược tiêu diệt các nước khác để xác lập địa vị thống trị tối cao của chúng.

T

Thái Thượng hoàng (8): xưng hiệu ngôi vị của vua cha sau khi đã nhường ngôi cho con (điển hình dưới thời Trần).

Tranh Kim Hoàng (15): tên thường gọi của một dòng tranh dân gian phát triển khá mạnh từ thế kỉ XVIII đến thế kỉ XIX của làng Kim Hoàng (nay thuộc xã Sơn Đồng, thành phố Hà Nội).

Trật tự hai cực I-an-ta (24): trật tự thế giới được thiết lập sau Chiến tranh thế giới theo khuôn khổ thoả thuận của ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh tại hội nghị ở I-an-ta. Theo đó, thế giới được phân chia thành hai cực đối lập nhau do Liên Xô và Mỹ đứng đầu mỗi cực.

Tên lửa Ti-tan II (31): là tên lửa liên lục địa đạn đạo (ICBM) thế hệ tiếp theo của Ti-tan I, có khả năng mang theo một đầu đạn lớn nhất trong số các tên lửa ICBM của Mỹ.

Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va (30): là liên minh phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Trung và Đông Âu (gồm Liên Xô, Ba Lan, Bun-ga-ri, Đông Đức, Hung-ga-ri, Ru-ma-ni và Tiệp Khắc) do Liên Xô đứng đầu. Mục tiêu của tổ chức này là bảo vệ an ninh của các nước thành viên, chống lại âm mưu xâm lược của các thế lực đế quốc, duy trì hoà bình ở châu Âu và thế giới.

Tổ chức An-kê-đa (34): là một tổ chức đa quốc gia của những chiến binh Hồi giáo dòng Sun-ni được nhiều người coi là một tổ chức khủng bố do Ô-sa-ma Bin La-đen và một số tình nguyện viên A-rập khác thành lập năm 1988 trong chiến tranh Liên Xô – Áp-ga-ni-xtan.

BẢNG PHIÊN ÂM

Phiên âm	Tên riêng nước ngoài	Trang
A		
A-rập	Arab	31
Ác-hen-ti-na	Argentina	27
An-kê-đa	Al-qaeda	34
Áp-ga-ni-xtan	Afghanistan	31
Áp-sa-ra	Apsara	8
B		
Ban-căng	Balkan	34
Bin Cờ-lin-tơn	Bill Clinton	37
Bô-xni-a	Bosnia	21
Bra-xin	Brazil	27
Brê-giơ-nhép	Brezhnev	33
C		
Cam-pu-chia	Cambodia	33
C. Ph. Ri-tê-uốt	C. F. Reutersward	20
Chi-lê	Chile	27
Cu-ba	Cuba	31
G		
Ga-da	Gaza	34
G. Mác-san	G. Marshall	29
G. Bu-sơ	G. Bush	32
Giôn Len-nân	John Lenon	38
Gô-tích	Gothic	14
Giô-li-ô Quy-ri	Joliot Curie	36
H		
Hít-le	Hitler	23
I		
I-an-ta	Ianta	24

Phiên âm	Tên riêng nước ngoài	Trang
I-rắc	Iraq	35
I-ta-li-a	Italia	21
I-xra-en	Israel	31
In-đô-nê-xi-a	Indonesia	27
K		
Ko-phi An-nan	Kofi Annan	20
L		
La-tinh	Latin	24
Li-bi	Libya	34
Lô-các-nô	Locarno	26
Luân Đôn	London	21
M		
Man-ta	Malta	32
Mác Na-ma-ra	Mc Namara	37
Mác-san	Marshall	29
Mát-xcơ-va	Moscow	28
Mê-hi-cô	Mexico	27
Muy-ních	Munich	23
M. Goóc-ba-chốp	M. Gorbachev	32
N		
Na-mi-bi-a	Namibia	33
Niu Óóc	New York	20
N. Mô-ri-xơn	N. Morrison	37
O – Ô – Ơ		
Oa-sinh-tơn	Washington	22
Ốt-tô-man	Ottoman	22
P		
Pa-le-xtin	Palestine	35
Pa-ri	Paris	35
P. Mác-đô-nan	P. Macdonald	47
Ph. Phéc-đi-năng	F. Ferdinant	21
Phran-cô	Franco	27
Pi-cát-xô	Picasso	36
R		
Rây-xtác	Reichstag	23
R. Ních-xơn	R. Nixon	33
Ru-an-đa	Rwanda	41
S		
Stan-li Các-nao	Stanley Karnow	47
Stốc-khôm	Stockholm	36
T		
Tha-na-si Pa-phơ-lít	Thanasis Pafilis	37
Ti-tan	Titan	31
Tơ-ru-man	Truman	29
V		
Vác-sa-va	Warszawa	30
Vô-băng	Vauban	16
Véc-xai	Versailles	22
V. I. Lê-nin	V. I. Lenin	21
X		
Xan Phran-xi-xcô	San Francisco	24
Xéc-bi	Serbia	21
Xô-ma-li	Somali	34
Xu-đăng	Sudan	34
Xuy-đét	Sudetenland	23

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: LƯU HOA SƠN – ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG
Biên tập tái bản: TRẦN ĐÌNH PHIÊN
Biên tập mĩ thuật: PHẠM VIỆT QUANG – LÊ THẾ HẢI
Thiết kế sách: LÊ THẾ HẢI
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG – TẠ THỊ HƯỜNG
Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền © (2023) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỊCH SỬ 11

Mã số: G1HHYS002h26
In ..... cuốn (QĐ .....), khổ 19 x 26,5cm.
In tại Công ty cổ phần in .....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/163-09/GD
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 202....
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm 202.....
Mã số ISBN: 978-604-0-35078-7



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 11, tập một
2. Ngữ văn 11, tập hai
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 11
4. Toán 11, tập một
5. Toán 11, tập hai
6. Chuyên đề học tập Toán 11
7. Lịch sử 11
8. Chuyên đề học tập Lịch sử 11
9. Địa lí 11
10. Chuyên đề học tập Địa lí 11
11. Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11
12. Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11
13. Vật lí 11
14. Chuyên đề học tập Vật lí 11
15. Hoá học 11
16. Chuyên đề học tập Hoá học 11
17. Sinh học 11
18. Chuyên đề học tập Sinh học 11
19. Công nghệ 11 – Công nghệ cơ khí
20. Chuyên đề học tập Công nghệ 11 – Công nghệ cơ khí
21. Công nghệ 11 – Công nghệ chăn nuôi
22. Chuyên đề học tập Công nghệ 11 – Công nghệ chăn nuôi
23. Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
24. Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
25. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
26. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
27. Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện
28. Mĩ thuật 11 – Thiết kế đồ hoạ
29. Mĩ thuật 11 – Thiết kế thời trang
30. Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh
31. Mĩ thuật 11 – Lí luận và lịch sử mĩ thuật
32. Mĩ thuật 11 – Điêu khắc
33. Mĩ thuật 11 – Kiến trúc
34. Mĩ thuật 11 – Hội hoạ
35. Mĩ thuật 11 – Đồ hoạ (tranh in)
36. Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp
37. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 11
38. Âm nhạc 11
39. Chuyên đề học tập Âm nhạc 11
40. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11
41. Giáo dục thể chất 11 – Bóng chuyền
42. Giáo dục thể chất 11 – Bóng đá
43. Giáo dục thể chất 11 – Cầu lông
44. Giáo dục thể chất 11 – Bóng rổ
45. Giáo dục quốc phòng và an ninh 11
46. Tiếng Anh 11 – Global Success – Sách học sinh

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-35078-7

9 786040 350787

Giá: 8.000 đ